

Phụ lục VI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0412/IDI.CBTT.2024

Đồng Tháp, ngày 12 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

- Mã chứng khoán: IDI

- Địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại liên hệ: 02773 680 383

Fax: 02773 680 382

- E-mail: info@idiseafood.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I kính gửi đến quý Cổ đông Báo Cáo Thường Niên Năm 2023 .

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/04/2024, tại đường dẫn: "<https://www.idiseafood.com/vn/bao-cao-thuong-nien.html>".

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



*Lê Văn Cảnh*



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

# 2023

QL 80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp  
Điện thoại: 0277 3680383 - 0277 3296800 Fax: 0277 3680382  
Email: [info@idiseafood.com](mailto:info@idiseafood.com)  
Website: [idiseafood.com](http://idiseafood.com)

## MỤC LỤC

THƯ NGỎ .....	4
I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	5
1. Lịch sử hình thành.....	5
2. Quá trình phát triển. ....	6
2.1. Ngành nghề kinh doanh. ....	6
2.2. Địa bàn kinh doanh. ....	6
2.3. Tóm tắt quá trình phát triển Công ty.....	6
3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý. ....	7
3.1. Mô hình quản trị:.....	7
3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ.....	7
3.3. Các Công ty con, Công ty liên kết. ....	9
4. Định hướng phát triển. ....	10
4.1. Các mục tiêu chính của Công ty.....	10
4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn. ....	13
4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững.....	13
5. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh .....	13
5.1. Về Môi trường nước và chất lượng cá giống. ....	13
5.2. Về thị trường tiêu thụ. ....	13
5.3. Về thiên tai và tác động của con người. ....	14
5.4. Về dịch bệnh. ....	14
5.5. Về chính trị.....	14
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023.....	15
1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh. ....	15
1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023. ....	15
1.2. Kết quả thực hiện so với kế hoạch. ....	16
1.3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh. ....	17
2. Tổ chức và nhân sự. ....	18
2.1. Danh sách Ban Điều hành. ....	18
2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2023.....	19
2.3. Nguồn nhân lực. ....	19
3. Tình hình thực đầu tư và thực hiện các dự án. ....	19
3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2023. ....	19
3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết.....	20
4. Tình hình tài chính Công ty I.D.I.....	22
4.1. Tình hình tài chính năm 2023. ....	22
4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu. ....	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	23
5.1. Cổ phần. ....	23
5.2. Cơ cấu cổ đông.....	23
5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. ....	24
5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: ....	24
5.5. Các chứng khoán khác: ....	24
6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội của Công ty. ....	24
6.1. Tác động lên Môi trường.....	24
6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu. ....	24
6.3. Tiêu thụ năng lượng. ....	25

6.4. Tiêu thụ nước.....	25
6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ Môi trường.....	25
6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.....	25
6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	27
6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.....	27
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.....	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.....	28
1.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.....	28
1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.....	28
2. Tình hình tài chính.....	31
2.1. Phân tích tình hình tài sản.....	31
2.2. Tình hình nợ phải trả.....	31
3. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024 (Riêng Công ty mẹ).....	32
4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	36
4.1. Về công trình bảo vệ Môi trường (BVMT) đối với nước thải.....	36
4.2. Về công trình bảo vệ Môi trường đối với khí thải.....	38
4.3. Về quản lý chất thải rắn thông thường.....	38
4.4. Về quản lý chất thải nguy hại.....	40
4.5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố Môi trường:.....	41
4.6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có):.....	41
5. Kế hoạch quan trắc môi trường năm 2024.....	41
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	43
1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty.....	43
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:.....	43
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	44
1. Hội đồng quản trị.....	44
1.1. Các thành viên.....	44
1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:.....	45
2. Ban kiểm soát.....	46
2.1. Các thành viên:.....	46
2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.....	46
3. Ban Kiểm toán nội bộ.....	47
3.1. Các thành viên:.....	47
3.2. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:.....	47
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.....	48
4.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2023.....	48
4.2. Các khoản lợi ích khác:.....	48
4.3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2023:.....	48
4.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:.....	48
4.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:.....	48
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023.....	49
1. Ý kiến kiểm toán.....	49
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.....	49



## THƯ NGỎ!

Kính thưa: **Các thành viên trong Đại Gia đình I.D.I thân mến!**

Khép lại năm 2023, một năm đầy thách thức đối với nhiều doanh nghiệp, nhưng cũng là một năm đáng mừng đối với Gia đình I.D.I của chúng ta. Trải qua hai năm khắc nghiệt của đại dịch Covid, năm 2022 tiếp tục đẩy nhiều doanh nghiệp vào tình trạng khó khăn, bế tắc. Trong khi đó, năm 2023 lại đem đến nhiều biến động lớn cho nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Khủng hoảng kinh tế, chiến tranh, xung đột chính trị, cùng với nguy cơ cuộc thế chiến thứ ba trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Lạm phát tăng cao và chính sách tiền tệ của hầu hết các quốc gia thắt chặt, tăng lãi suất để ứng phó. Những biến động này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhu cầu tiêu dùng trên toàn cầu, đặc biệt là đối với ngành cá tra Việt Nam. Xuất khẩu cá tra của Việt Nam đã giảm 25% so với năm 2022. Tuy nhiên, Công ty I.D.I đã không ngừng nỗ lực và sáng tạo để vượt qua những khó khăn. Dù xuất khẩu giảm 17,22% so với năm trước, nhưng với sự đoàn kết và nỗ lực của toàn thể Cán bộ, công nhân viên, chúng ta đã đạt doanh thu 7.200 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 73 tỷ đồng, một kết quả đáng mừng trong bối cảnh khó khăn như năm 2023. Chúng ta hãy cùng nhau tiếp tục phấn đấu và đối mặt với những thách thức trong năm mới, với lòng quyết tâm và sự sáng tạo, chúng ta sẽ vượt qua mọi khó khăn.

Trong năm 2024, chúng ta sẽ quyết tâm đầu tư vào dự án Nhà máy chế biến thủy sản số 3, với thiết kế khoa học và sự áp dụng các công nghệ tiên tiến. Đây sẽ là cột mốc quan trọng đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của I.D.I trong tương lai. Bên cạnh đó, chúng ta cũng sẽ đầu tư vào một Trung tâm giống hiện đại, sử dụng các công nghệ mới nhất để lai tạo giống và phát triển gen cho con cá tra. Đây sẽ mở ra một cánh cửa mới cho sự phát triển kinh doanh của I.D.I trong những năm tiếp theo.

Kính thưa Quý vị, nhìn lại hành trình hơn 20 năm dẫn dắt con tàu I.D.I, với tư cách là Chủ tịch HĐQT, tôi không thể không cảm thấy hạnh phúc khi thấy tất cả các thành viên trong Gia đình I.D.I đều trải qua những thời kỳ khó khăn với sự âm no, hạnh phúc và an toàn. Tất cả đã vượt qua được những thách thức của đại dịch và khủng hoảng kinh tế một cách kiên định và mạnh mẽ. Tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn và trân quý sâu sắc đến tất cả những giá trị mà Quý vị đã dành cho Công ty I.D.I bằng cả tấm lòng. Đặc biệt, tôi chân thành cảm ơn các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành qua các thời kỳ đã xây dựng một nền móng vững chắc cho I.D.I. Sự cống hiến này đã giúp I.D.I vượt qua thách thức và duy trì vững bước trước những biến động của nền kinh tế. Điều này chứng tỏ sự điều hành sáng suốt của Ban lãnh đạo và tạo ra niềm tin vào một tương lai tươi sáng cho I.D.I trong thời gian sắp tới.

Một lần nữa, tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể các thành viên trong “Đại Gia đình I.D.I” đã nỗ lực để hoàn thành nhiệm vụ được giao, cũng như sự tin tưởng và ủng hộ của Quý khách hàng, đồng hành của đối tác và Quý cổ đông. Tôi hy vọng chúng ta sẽ tiếp tục duy trì tinh thần đoàn kết, đồng thuận và hỗ trợ nhau trên con đường phát triển. Chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công đến tất cả các thành viên và đối tác của I.D.I.

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Thanh Thuận**

## I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.

### 1. Lịch sử hình thành.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 20 số 0303141296 ngày 15/05/2023.

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Tên tiếng Anh : I.D.I INTERNATIONAL DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION

- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I

- Vốn điều lệ đăng ký: 2.276.446.080.000 đồng.

- Vốn điều lệ thực góp: 2.276.446.080.000 đồng.

- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 0277 3680 383

Fax: 0277 3680 382

- Website: [www.idiseafood.com](http://www.idiseafood.com)

- Email: [info@idiseafood.com](mailto:info@idiseafood.com)

- Mã số thuế: 0303141296



*Cụm công nghiệp Vàm Cống và các Nhà máy của I.D.I*

## 2. Quá trình phát triển.

### 2.1. Ngành nghề kinh doanh.

- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản.

### Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 72830/QĐ-SHTT ngày 19/10/2017.

### 2.2. Địa bàn kinh doanh.

Năm 2023, Công ty đã xuất khẩu đến hơn 160 khách hàng với 52 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, thị trường Trung Quốc chiếm hơn 34% và thị trường Mexico chiếm gần 27% tổng doanh thu xuất khẩu trong 02 năm gần nhất. Công ty luôn nỗ lực không ngừng nghỉ để đưa các sản phẩm từ cá tra của I.D.I đến với từng bàn ăn của khách hàng trên toàn thế giới.



*Trụ sở làm việc của Công ty I.D.I*

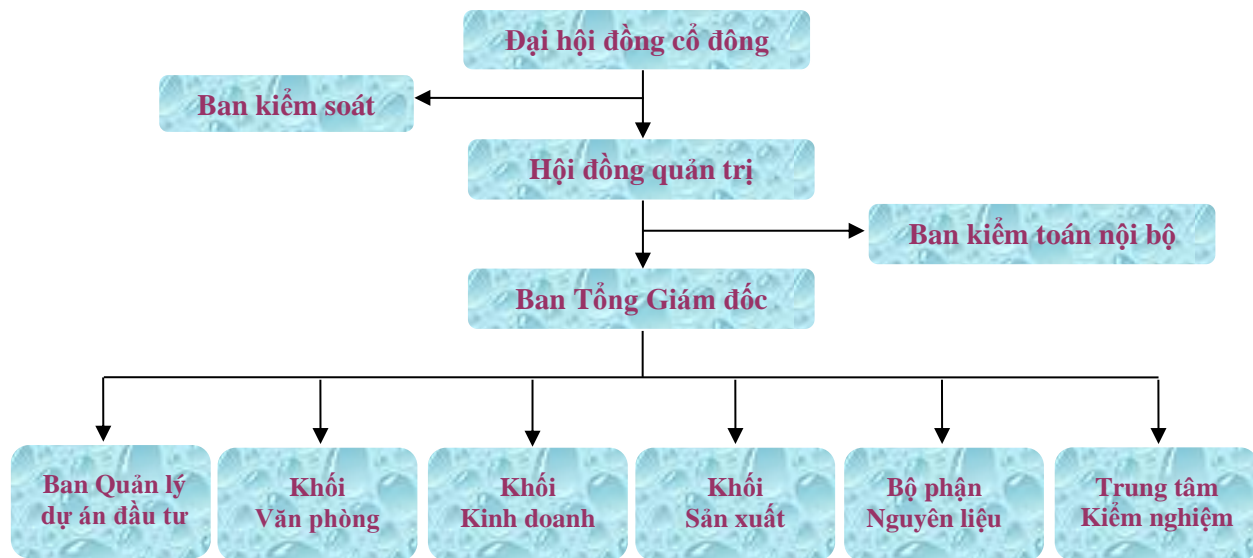
### 2.3. Tóm tắt quá trình phát triển Công ty.

- Năm 2003, được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng.
- Năm 2007-2008 khởi công xây dựng và hoàn thành xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản số 1, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh 4.600 tấn đi vào hoạt động.
- Năm 2010, vận hành Nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày.
- Năm 2011, đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.
- Năm 2016, vận hành Nhà máy thủy sản số 2 với công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày.
- Năm 2018, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 03 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.
- Năm 2020, hoàn thành xây dựng Kho lạnh số 04 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm.
- I.D.I luôn có tên trong top 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam.

### 3. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý.

#### 3.1. Mô hình quản trị:

Hiện tại Công ty I.D.I đang hoạt động theo “Điểm 1, điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.



#### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý và chức năng nhiệm vụ.

##### 3.2.1. Hội đồng quản trị.



Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty I.D.I tại ĐHĐCDTN năm 2023



Hội đồng quản trị (HĐQT) được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất, kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.

Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 gồm có:

- |                      |  |
|----------------------|--|
| - Ông Lê Thanh Thuán | Chủ tịch.                                  |
| - Ông Lê Văn Chung   | Phó chủ tịch. (Miễn nhiệm ngày 15/04/2023) |
| - Ông Lê Tuấn Anh    | Phó chủ tịch. (Bỏ nhiệm ngày 15/04/2023)   |
| - Ông Tống Phi Hùng  | Thành viên HĐQT độc lập.                   |
| - Ông Đinh Văn Thép  | Thành viên HĐQT độc lập.                   |

### 3.2.2. Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát (BKS) được ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm, là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty.

Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm có:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Ông Từ Thiện Thoại        | Trưởng ban. |
| - Bà Đoàn Nguyễn Kim Phượng | Thành viên. |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Loan  | Thành viên. |

### 3.2.3. Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc gồm có:

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| - Ông Lê Văn Cảnh       | Tổng Giám đốc. (Bỏ nhiệm ngày 15/05/2023)   |
| - Ông Lê Văn Chung      | Tổng Giám đốc. (Miễn nhiệm ngày 15/05/2023) |
| - Ông Lê Thế Tùng       | Phó Tổng Giám đốc.                          |
| - Ông Nguyễn Thanh Hải  | Phó Tổng Giám đốc                           |
| - Bà Võ Thị Minh Tâm    | Phó Tổng Giám đốc                           |
| - Ông Trương Công Khánh | Giám đốc tài chính.                         |
| - Ông Nguyễn Đức Phương | Kế toán trưởng.                             |

### 3.2.4. Ban Kiểm toán nội bộ.

Kiểm toán nội bộ (KTNB) đóng vai trò là người bảo vệ giá trị cho doanh nghiệp. KTNB là một quan sát viên độc lập do HĐQT bầu ra nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật quốc gia, đạo đức kinh doanh và quy chế hoạt động của Công ty. KTNB chịu trách nhiệm phát hiện ra những sai sót trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, giữ vai trò là người tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc và HĐQT về kiểm soát rủi ro.

Thành viên Ban Kiểm toán nội bộ gồm có:

- |                      |             |
|----------------------|-------------|
| - Bà Lê Thị Phượng   | Trưởng ban. |
| - Bà Ngô Thị Tố Ngân | Thành viên. |
| - Ông Lê Hoàng Cương | Thành viên. |

**3.3. Các Công ty con, Công ty liên kết.****3.3.1. Công ty Mẹ.****Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai (ASM)**

- Vốn điều lệ: 3.365.267.520.000 đồng.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - + Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng;
  - + Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
  - + Truyền tải và phân phối điện;
  - + Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

(Đvt: VND)

Vốn điều lệ IDI đến 31/12/2023	Số vốn cổ phần của ASM đến 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu (%)
2.276.446.080.000	1.166.124.310.000	51,23%

**3.3.2. Công ty con.****a. Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản – Trisedco (DAT)**

- Vốn điều lệ: 629.351.040.000 đồng.
- Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - + Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.
  - + Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.

(Đvt: VND)

Vốn điều lệ Trisedco đến 31/12/2023	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu (%)
629.351.040.000	498.760.699.200	79,25%

**b. Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông**

- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, Đắk Nông.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng cây cao su.

(Đvt: VND)

Vốn điều lệ Công ty Vĩnh An Đắc Nông đến 31/12/2023	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2023	Tỷ lệ (%)
60.000.000.000	58.500.000.000	97.50%

## 4. Định hướng phát triển.

### 4.1. Các mục tiêu chính của Công ty.

#### 4.1.1. Xây dựng trại cá tra giống.

Công ty đang nghiên cứu xây dựng một trung tâm giống công nghệ cao, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như giảm tỷ lệ hao hụt, rút ngắn ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành trong việc nuôi, nâng cao chất lượng cá thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.



#### 4.1.2. Phát triển vùng nuôi cá liên kết với Công ty.

Bên cạnh mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trang trại cá giống hiện đại, Công ty cũng luôn nỗ lực tìm kiếm đầu tư và phát triển vùng nuôi liên kết với các hộ nông dân có vùng nuôi cá tra nguyên liệu đạt tiêu chuẩn, một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cá thành phẩm cũng như việc kiểm soát được giá thành.



### 4.1.3. Xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản số 3.

Để mở rộng quy mô hoạt động và phát triển thêm các sản phẩm mới từ nguyên liệu cá tra, Công ty đã dần hoàn thiện thủ tục pháp lý đầu tư xây dựng thêm Nhà máy chế biến thủy sản số 3 với công suất thiết kế 180 tấn nguyên liệu/12 giờ/ngày, dự kiến hoàn thành trong quý IV/2025 sẽ giúp Công ty tăng năng lực xuất khẩu đáng kể trước cánh cửa thị trường Mỹ đã rộng mở và nhu cầu lương thực thực phẩm trên thế giới liên tục tăng trong năm 2023.



*Nhà máy chế biến thủy sản số 01 với công suất 300 tấn nguyên liệu/ngày/12 giờ*



*Nhà máy chế biến thủy sản số 02 với công suất 300 tấn nguyên liệu/ngày/12 giờ*



*Kho lạnh số 03 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm*



*Kho lạnh số 04 với sức chứa 10.000 tấn thành phẩm sẽ hợp thể với Nhà máy số 03*

#### **4.1.4. Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá - dầu cá.**

Nhà máy bột cá - dầu cá của Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco) là một Công ty con của Công ty I.D.I với tỷ lệ góp vốn gần 80%. Nhà máy này sử dụng nguồn phụ phẩm của các nhà máy chế biến thủy sản I.D.I để làm nguồn nguyên liệu đầu vào. Với quy trình và công nghệ hiện đại thì nhà máy bột cá – dầu cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá. Với việc Công ty I.D.I đầu tư xây dựng thêm Nhà máy chế biến thủy sản số 03 thì Nhà máy bột cá – dầu cá cũng cần phải đầu tư mở rộng, nâng công suất hoạt động để có thể tiếp nhận tối đa nguồn nguyên liệu đầu vào từ các Nhà máy của I.D.I.

#### 4.1.5. Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản.

Hiện tại, Công ty I.D.I và các Công ty thành viên của Tập đoàn Sao Mai tại Cụm Công nghiệp Vàm Cống đang sử dụng gần 200 tỷ đồng mỗi năm cho việc thanh toán bao bì. Để quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả, giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của I.D.I, việc xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản là rất cần thiết. Với quỹ đất sẵn có trong khuôn viên Cụm công nghiệp Vàm Cống, Công ty đang dần hoàn thiện kế hoạch xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản, khi dự án này hoàn thành thì một phần ổn định trong chuỗi sản xuất thủy sản, phần còn lại góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng doanh thu cũng như lợi nhuận cho Công ty.

#### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào nền kinh tế thế giới.

- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn ASC phù hợp với từng thị trường, tạo ra sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất.

#### 4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững.

- Tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động tạo công ăn việc làm, giúp cải thiện đời sống cho hàng ngàn CB-CNV ở địa phương hoạt động và các vùng lân cận. Góp phần tăng đóng góp vào ngân sách Nhà nước, phát triển xã hội và làm suy giảm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội trên địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục hỗ trợ và chung tay giúp đỡ cùng với các quỹ hỗ trợ người nghèo, người neo đơn và những gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn nói riêng và cả nước nói chung.

- Tiếp tục tham gia các Hội nghị thảo luận về bảo vệ môi trường và thường xuyên tuyên truyền về việc vệ sinh máy móc thiết bị, sửa chữa và thay mới các thiết bị hư hỏng, quá hạn sản xuất để giảm thiểu tối đa nguồn khí thải ra môi trường nếu có.

### 5. Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

#### 5.1. Về Môi trường nước và chất lượng cá giống.

Hiện nay chất lượng cá tra giống rất thấp, khiến sức đề kháng thấp dễ bị mắc nhiều bệnh dẫn đến tỷ lệ hao hụt lớn khoảng 25-30%. Bên cạnh đó, chất lượng Môi trường nước cũng rất xấu do dư lượng thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật quá nhiều trong nước cũng khiến cho một số ao nuôi cá biệt có tỷ lệ hao hụt lên đến 40 – 50%. Ảnh hưởng trực tiếp rất lớn đến kế hoạch sản xuất của công ty cũng như đa số các nhà máy chế biến cá tra khác.

#### 5.2. Về thị trường tiêu thụ.

- Trung Quốc với lợi thế tiếp giáp nhiều tuyến biên giới Việt Nam và có ưu thế về số lượng dân sinh đông nhất thế giới, cũng như nhu cầu thức ăn về các sản phẩm từ cá tra vô cùng lớn nên hiện tại họ là thị trường xuất khẩu lớn nhất cho mặt hàng cá tra của Việt Nam trong những năm gần đây. Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn luôn được đánh giá là thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro và không ổn định về nhu cầu, lúc mua mạnh một cách đột ngột, lúc thì giảm lượng mua đột ngột, được mùa thì ép giá ...Do các chính sách quản lý của Trung Quốc luôn thay đổi thất thường nên dễ dẫn đến việc vượt tầm kiểm soát của rất nhiều doanh nghiệp.

- Thị trường Mỹ được biết đến là thị trường khá khó tính với sản phẩm cá da trơn của Việt Nam. Tuy nhiên, trước tín hiệu giảm thuế chống phá giá với các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra Việt

Nam từ 2,39 USD/Kg xuống còn 0,18 USD/Kg thì cánh cửa cơ hội xuất khẩu cá tra vào thị trường Mỹ đã được mở rộng rất lớn và với tiềm năng tiêu thụ cá tra qua các năm gần đây của Mỹ luôn đứng vị trí thứ 2 sau Trung Quốc thì dự kiến đến cuối năm 2024 thị trường Mỹ sẽ sớm vươn lên đứng đầu danh sách nhập khẩu cá tra Việt Nam vào những năm tiếp theo.

- Bên cạnh các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, thì cá tra Việt Nam cũng đã và đang được đón nhận rất tích cực trên nhiều quốc gia như: Ấn Độ, Brazil, Mexico, khối thị trường CPTPP. Điều này cho thấy tiềm năng về việc đưa cá tra Việt Nam đến các bàn ăn trên thế giới là vô cùng lớn.

### 5.3. Về thiên tai và tác động của con người.

Những năm gần đây do biến đổi khí hậu, thời tiết nắng nhiều mưa ít và do nhiều quốc gia xây dựng nhiều đập thủy điện chặn giữ nước trên đầu thượng nguồn sông Mê Kông, dẫn đến lượng nước ngọt đổ về quá ít, thậm chí tình trạng ngập mặn ở Đồng bằng Sông Cửu Long còn xảy ra liên tục và đáng báo động. Tình hình này khiến cá tra dễ bị bệnh, chậm lớn và size cá khi thu hoạch thường không đồng đều, khiến việc đóng hàng xuất khẩu mất thời gian dài hơn và khâu quản lý, đánh dấu size thành phẩm vất vả hơn.

### 5.4. Về dịch bệnh.

Đại dịch Covid-19 xuất hiện hủy diệt sự sống và tàn phá nền kinh tế toàn cầu kinh hoàng, nó vượt qua rất nhiều so với sự hiểu biết, cách kiểm soát và kinh nghiệm phòng chống các đại dịch trước đây của con người. Vào thời điểm dịch bệnh lây lan rộng, hầu hết các nước đều đóng cửa, ngừng giao thương với bên ngoài, khiến tất cả các ngành xuất, nhập khẩu gặp rất nhiều khó khăn, trong đó ngành cá tra bị ảnh hưởng nặng nề. Đồng thời, Covid-19 xuất hiện còn dự báo cho các đợt đại dịch tiếp theo có thể xảy ra với con người trong tương lai.

### 5.5. Về chính trị.

Chính trị luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro, gây bất ổn với đa số các quốc gia, do giao thương quốc tế kết nối tất cả các nền kinh tế trên thế giới với nhau. Các vấn đề bất ổn chính trị gần đây điển hình như cuộc chiến tranh Thương Mại Mỹ - Trung, hay chiến tranh vũ trang Nga - Ukraina, và gần đây nhất là xung đột Israel – Hamas đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng lương thực, thực phẩm ra thế giới, chi phí vận chuyển bị tăng lên chóng mặt, khiến nhiều doanh nghiệp xuất nhập khẩu phải tăng giá bán, dẫn đến việc xuất, nhập khẩu giảm xuống.



**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023.****1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh.****1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023.**

(Đvt: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/giảm	Tỉ lệ (%)	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.937	7.224	-713	-8,98%	100%	100%	0,00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6,4	2,9	-4	-54,7%	0,08%	0,04%	-0,04%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.931	7.221	-710	-8,95%	99,9%	99,9%	0,04%
4. Giá vốn hàng bán	6.836	6.697	-139	-2,03%	86,13%	92,7%	6,58%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.095	525	-569,6	-52%	13,79%	7,27%	-6,52%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	167,3	217,5	50,2	30%	2,11%	3,01%	0,90%
7. Chi phí tài chính	307,6	411,6	104,0	33,8%	3,88%	5,70%	1,82%
Trong đó: Chi phí lãi vay	233,2	362,1	128,9	55,3%	2,94%	5,01%	2,07%
8. Chi phí bán hàng	307,9	131,9	-176	-57,1%	3,88%	1,83%	-2,05%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	61	90	29	47,5%	0,77%	1,25%	0,48%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	585,8	108,8	-477	-81,4%	7,38%	1,51%	-5,87%
11. Thu nhập khác	38,9	13,1	-25,8	-66,3%	0,49%	0,18%	-0,31%
12. Chi phí khác	6,8	14,7	7,9	116%	0,09%	0,20%	0,12%
13. Lợi nhuận khác	32,1	-1,6	-33,7	-105%	0,40%	-0,02%	-0,43%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	617,8	107,2	-510,6	-82,6%	7,78%	1,48%	-6,30%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	54,6	33,8	-20,8	-38,1%	0,69%	0,47%	-0,22%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0,1	-	-0,1	0,1	0,00%	0,00%	0,00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	563,1	73,4	-489,7	-86,9%	7,09%	1,02%	-6,08%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.382	254	-2.128	-89,3%	30,%	3,52%	-26,50%

- Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tổng doanh thu năm 2023 đạt 7.224 tỷ đồng, giảm 713 tỷ đồng so với năm 2022, tương ứng với tỉ lệ giảm 8,98%. Yếu tố tác động chính là do chiến tranh vũ trang Nga - Ukraina kéo dài, kết hợp với xung đột quân sự Isael – Hamas leo thang khiến cho lạm phát tiếp tục ở mức cao làm cho nhu cầu tiêu thụ thực phẩm trên thế giới dè dặt lại. Chính vì vậy, doanh thu bán hàng của Công ty giảm gần 9% so với năm 2022.



- **Về giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp:** Do nhu cầu tiêu thụ cá tra năm 2023 chững lại, khiến giá cá nguyên liệu có xu hướng giảm nhẹ vào những tháng cuối năm. Điều này khiến cho giá vốn bán của Công ty cũng giảm nhẹ 2% tương ứng với giảm 139 tỷ đồng so với năm 2022.

- **Về doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính tăng 50,2 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 30% so với năm 2022. Nguyên nhân là nguồn ngoại tệ (chủ yếu là USD) từ xuất khẩu thu về trong năm 2023 sau khi được Công ty đã cân đối trả nợ vay các tổ chức tín dụng, thì phần còn lại được bán cho các Ngân hàng khi tỷ giá USD/VND tăng cao. Chính vì vậy mà Doanh thu hoạt động tài chính tăng 30% so với năm 2022.

- **Về chi phí tài chính:** Chi phí tài chính tăng 104 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 33,8% so với năm 2022. Nguyên nhân là do năm 2023 lạm phát vẫn chưa giảm, lãi suất cho vay của các Ngân hàng trong 6 tháng đầu năm 2023 vẫn ở mức cao, khiến cho chi phí tài chính của Công ty tăng cao với tỉ lệ 33% so với năm 2022.

- **Về chi phí bán hàng:** Chi phí bán hàng giảm 176 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 57% so với năm 2022. Nguyên nhân chính là do từ Quý II/2023 đến cuối năm 2023 chi phí vận chuyển, lưu kho, cước tàu bắt đầu hạ nhiệt so với năm 2022.

- **Về chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 29 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ tăng 47,5% so với năm 2022. Nguyên nhân là Công ty có thuê sử dụng tòa nhà 12 tầng của Công ty TNHH Sao Mai Super Feed làm trụ sở làm việc, ngoài ra Công ty cũng mở thêm Chi nhánh bán hàng tại Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và chi phí tham gia các kỳ hội chợ thủy sản quốc tế.

- **Về lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:** Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm 477 tỷ đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 81,4% so với năm 2022. Nguyên nhân là do đơn hàng xuất khẩu năm 2023 giảm và giá cá tra thành phẩm xuất khẩu năm 2023 trung bình khoảng 2,5 USD/Kg, giảm 35% so với giá cá thành phẩm xuất khẩu năm 2022, dẫn đến tỉ lệ giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh như trên.

## 1.2. Kết quả thực hiện so với kế hoạch.

(Đvt: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tăng giảm so với năm 2022		Tăng giảm so với kế hoạch năm 2023	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	7.931	8.133	7.221	-710	-8,95%	-912	-11,21%
Tổng lợi nhuận sau thuế	563	186	73	-490	-86,97%	-113	-60,54%

- Năm 2023 là một năm khó khăn chung cho nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu; trong khi nợ xấu tăng và lạm phát vẫn duy trì ở mức cao, gắn với những diễn biến căng thẳng của các xung đột địa chính trị, phân mảnh công nghệ, thời tiết cực đoan và dịch bệnh... Về tổng thể, nền kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các cú sốc tiêu cực chòng chéo, như đại dịch Covid-19, xung đột giữa Nga - Ukraine và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát và hướng tới tài chính công bền vững; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản... Giá năng lượng cao và tăng lãi suất cùng với hoạt động kinh tế chậm lại ở các nền kinh tế phát triển có thể dẫn đến gia tăng các khoản nợ xấu, làm giảm giá trị tài sản dài hạn. sự phân mảnh địa kinh tế ngày càng sâu sắc, với nhiều hạn chế hơn về thương mại, dịch chuyển vốn xuyên biên giới, công nghệ, lao động và thanh toán quốc tế có thể làm gia tăng biến động về giá cả hàng hóa và cản trở sự hợp tác đa phương trong việc cung cấp hàng hóa công toàn cầu.

- Nền kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài vòng xoáy khó khăn trên khi nhiều động lực tăng trưởng chính chậm lại, kim ngạch xuất khẩu ước giảm 3,5%, nhập khẩu ước giảm 4,2%; nợ xấu có xu hướng tăng; các thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro. Đây chính là những nguyên nhân chính dẫn đến nhiều doanh nghiệp xuất khẩu không đạt được kết quả như kế hoạch đề ra đầu năm 2023, trong đó có Công ty I.D.I.

### 1.3. Hoạt động sản xuất, kinh doanh.

#### 1.3.1. Cơ cấu doanh thu.

(Đvt: Tỷ đồng)

STT	KHOẢN MỤC	Năm 2022		Năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	3.581	45,12%	2.896	40,09%
2	Doanh thu bột cá, mỡ cá	2.943	37,08%	2.885	39,94%
3	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.344	16,93%	1.372	18,99%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	68	0,86%	70	0,97%
5	Doanh thu bất động sản đầu tư	0,9	0,01%	0,4	0,01%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>7.937</b>	<b>100%</b>	<b>7.223</b>	<b>100%</b>

- Trong cơ cấu doanh thu, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm 99,02% trong năm 2023 cho thấy Công ty vẫn hoạt động tập trung và chuyên sâu vào lĩnh vực thủy sản.

- Doanh thu lĩnh vực thủy sản năm 2023 giảm hơn 715 tỷ đồng, tương đương giảm 9,1% so với năm 2022. Đây là kết quả tối ưu nhất mà HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải liên tục chỉ đạo, điều hành và thay đổi quyết sách phù hợp với năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để duy trì sản xuất kinh doanh có hiệu quả trước vô vàn khó khăn và thách thức với ngành thủy sản trong năm 2023.

#### 1.3.2. Cơ cấu chi phí giá vốn.

(Đvt: Tỷ đồng)

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2022		NĂM 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.736	40,86%	2.586	38,62%
2	Giá vốn bột cá, mỡ cá	2.811	41,98%	2.771	41,39%
3	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.232	18,40%	1.287	19,22%
4	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55	0,82%	51	0,76%
5	Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	0,96	0,01%	0,36	0,01%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0,3	0,00%	0,0	0,00%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>6.835</b>	<b>100%</b>	<b>6.695</b>	<b>100%</b>

Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 99,23% trong năm 2023, giảm 135 tỷ đồng so với năm 2022. Nguyên nhân là việc giá cá nguyên liệu ngoài thị trường năm 2022 chững lại và giảm nhẹ cuối năm 2023 dẫn đến giá vốn hàng bán của Công ty giảm nhẹ gần 2% so với năm 2022.

## 2. Tổ chức và nhân sự.

### 2.1. Danh sách Ban Điều hành.



#### **Ông Lê Văn Cảnh – Tổng giám đốc**

- Ông Lê Văn Cảnh sinh năm 1975 tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Ông từng công tác tại Công ty CP Tập đoàn Sao Mai. Từ năm 2010-2023, Ông làm Phó tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I. Từ tháng 05 năm 2023 đến nay, Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu: 11.069 cổ phần, chiếm 0,00% vốn Điều lệ.



#### **Bà Võ Thị Minh Tâm – Phó Tổng Giám Đốc**

- Bà Võ Thị Minh Tâm sinh năm 1966 tại Long Xuyên, An Giang. Bà từng công tác tại Công ty Hóa Mỹ Phẩm Pháp Mỹ, Công ty vận chuyển Transimex TP.HCM. Từ năm 2016 đến nay, Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



#### **Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Tổng Giám Đốc**

- Ông Nguyễn Thanh Hải sinh năm 1988 tại Thọ Xuân, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp Cử Nhân Quản trị kinh doanh Trường California State University, Ông làm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I từ năm 2012. Từ năm 2015 đến nay, Ông làm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 12.000.000 cổ phần, chiếm 5,27% vốn Điều lệ.



#### **Ông Lê Thế Tùng – Phó Tổng Giám Đốc**

- Ông Lê Thế Tùng sinh năm 1996 tại Long Xuyên, An Giang. Sau khi tốt nghiệp trường Boston University năm 2017, Ông công tác tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đến hết năm 2019. Từ năm 2020 Ông làm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty I.D.I. Từ năm 2022 đến nay, Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I.

- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



### **Ông Trương Công Khánh – Giám đốc tài chính**

- Ông Trương Công Khánh sinh năm 1987 tại Lấp Vò, Đồng Tháp. Trước khi làm Giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I, Ông từng làm tại Công Ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành, Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản, Công Ty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á, Công ty CP Tập đoàn Sao Mai.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



### **Ông Nguyễn Đức Phương – Kế toán trưởng**

- Ông Nguyễn Đức Phương sinh năm 1994 tại Chợ Mới-An Giang. Sau khi tốt nghiệp cử nhân kế toán, Ông làm kế toán tổng hợp cho Công ty CP Dầu Cá Châu Á từ năm 2016-2020. Từ tháng 09/2020 đến nay, Ông làm Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

## **2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2023.**

- Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Lê Văn Chung theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 15/04/2023.
- Bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Ông Lê Tuấn Anh theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 ngày 15/04/2023.
- Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Lê Văn Chung theo Nghị Quyết số 509/2023/NQ-IDI ngày 08/05/2023.
- Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Ông Lê Văn Cảnh theo Nghị Quyết số 509/2023/NQ-IDI ngày 08/05/2023.

## **2.3. Nguồn nhân lực.**

Tổng số cán bộ nhân viên và công nhân Công ty I.D.I cuối năm 2023 là 3.250 người, trong đó số lượng cán bộ, nhân viên là 370 người, còn lại là lực lượng lao động trong các nhà máy, phân xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty. Năm 2023, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục suy thoái, lạm phát tăng cao, bao bì, cước tàu và chi phí vận chuyển liên tục tăng mạnh do xung đột và chiến tranh,..., buộc Công ty phải có chiến lược hoạt động sản xuất phù hợp để duy trì sản xuất kinh doanh hiệu quả nên lực lượng lao động giảm khoảng 10% so với năm 2022.

## **3. Tình hình thực đầu tư và thực hiện các dự án.**

### **3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2023.**

Hiện tại Công ty đang tiến hành hoàn thành pháp lý, đồng thời giải phóng mặt **Dự án Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang** với diện tích đầu tư gần 150 ha, dự án này nằm trên trục đường chính và là Khu đô thị trung tâm kết nối 2 thành phố lớn của An Giang là TP. Châu Đốc và TP. Long Xuyên.

Với quỹ đất sẵn có, hiện tại Công ty đang tiếp tục giải phóng mặt bằng và hoàn thiện pháp lý để sớm triển khai dự án này.

**3.2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty con, Công ty liên kết.****3.2.1. Công ty Mẹ.****Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai (ASM)**

- Vốn điều lệ: 3.365.267.520.000 đồng.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - + Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng;
  - + Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
  - + Truyền tải và phân phối điện;
  - + Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023:**

(ĐVT: Tỷ đồng)

STT	Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	19.086	20.307	1.221	6,40%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.749	11.973	-1.776	-12,92%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1045	319	-726	-69,47%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16,9	0,3		
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1062	319	-743	-69,96%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	963	252	-711	-73,83%

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2023)

**3.2.2. Công ty con****- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco.**

- + Vốn điều lệ: 629.351.040.000 đồng.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.
  - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.
  - Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023:**

(ĐVT: Tỷ đồng)

STT	Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.753	1.663	-90	-5,13%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.995	2.940	-55	-1,84%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	89	85	-4	-4,49%
4	Lợi nhuận khác	-0,27	-1,89	-1,62	600,00%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88,67	83,30	-5,37	-6,06%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	80,10	75,30	-4,80	-5,99%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.433	1.197	-236	-16,47%

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2023)



**- Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông.**

- + Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- + Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, Đắk Nông.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
  - Trồng cây cao su.

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023:**

(ĐVT: Tỷ đồng).

STT	Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	64,14	67,10	2,96
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	-
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-0,03	-0,05	-0,02
4	Lợi nhuận khác	0,00	-0,42	-0,40
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-0,03	-0,48	-0,45
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-0,03	-0,48	-0,45

(Nguồn: theo BCTC năm 2023)

**4. Tình hình tài chính Công ty I.D.I.****4.1. Tình hình tài chính năm 2023.**

(ĐVT: Tỷ đồng)

STT	Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	8.084	8.277	193	2,39%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.931	7.221	-710	-8,95%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	586	109	-477	-81,40%
4	Lợi nhuận khác	32	-1,60	-34	-105,00%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	618	107	-511	-82,69%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	563	73	-490	-87,03%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.382	254	-2.128	-89,34%

(Nguồn: theo BCTC Hợp nhất đã soát xét năm 2023)

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.**

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn:	0,99	1,22
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn		
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,71	0,88
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn		
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>	68,00	0,59
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản		
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho:	5,64	4,65
(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)		
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,98	0,87
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,07	0,01
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,01
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,02

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.****5.1. Cổ phần.**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 227.644.608 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông được chuyển nhượng tự do.

**5.2. Cơ cấu cổ đông.****5.2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty I.D.I theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 15/03/2024 theo danh sách Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh gửi Công ty:

STT	Tên cổ đông	ĐKSH	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Công ty CP Tập đoàn Sao Mai - Đại diện pháp luật Ông Lê Tuấn Anh	1600169024	326. Hùng Vương , TP.Long Xuyên, An Giang	116.612.431	51,23%
2	Nguyễn Thanh Hải	352349644	72 Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang	12.000.000	5,27%
<b>Tổng cộng</b>				<b>128.612.431</b>	<b>56,50%</b>

**5.2.2. Cơ cấu cổ đông**

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:</b>	<b>227.644.608</b>	<b>100%</b>
+ Cổ đông lớn	128.612.431	56,50%
+ Cổ đông nhỏ	99.032.177	43,50%
<b>Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:</b>	<b>227.644.608</b>	<b>100%</b>
+ Cổ đông tổ chức	121.613.869	53,42%
+ Cổ đông cá nhân	106.030.739	46,58%
<b>Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:</b>	<b>227.644.608</b>	<b>100%</b>
+ Cổ đông trong nước	223.642.630	98,24%
+ Cổ đông nước ngoài	4.001.978	1,76%
<b>Cổ đông Nhà nước, cổ đông đặc biệt và cổ đông khác:</b>	<b>227.644.608</b>	<b>100%</b>
+ Cổ đông Nhà nước	0	0,00%
+ Cổ đông đặc biệt ( HDQT, Ban Giám đốc, BKS....)	12.011.069	5,28%
+ Cổ đông khác	215.633.539	94,72%

(Nguồn: Theo danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 15/03/2024)



### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

- **Đăng ký lần đầu:** Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.
- **Thay đổi lần 1:** Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.
- **Thay đổi lần 2:** Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.
- **Thay đổi lần 3:** Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007.
- **Tăng vốn lần 4:** Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010.
- **Tăng vốn lần 5:** Tăng từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng, tăng thêm 76.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 7.600.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 6:** Tăng từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 đồng, tăng thêm 399.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 39.900.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- **Tăng vốn lần 7:** Tăng từ 855.000.000.000 đồng lên 983.250.000.000 đồng, tăng thêm 128.250.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 12.8250.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 8:** Tăng từ 983.250.000.000 đồng lên 1.816.096.710.000 đồng, tăng thêm 832.846.710.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 83.284.671 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 10/05/2015.
- **Tăng vốn lần 9:** Tăng từ 1.816.096.710.000 đồng lên 1.979.534.200.000 đồng, tăng thêm 163.437.490.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 16.343.749 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2018 ngày 27/04/2018.
- **Tăng vốn lần 10:** Tăng từ 1.979.534.200.000 đồng lên 2.276.446.080.000 đồng, tăng thêm 296.911.880.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 29.691.188 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2019 ngày 25/04/2019.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội của Công ty.

### 6.1. Tác động lên Môi trường.

- Tổng phát thải khí nhà kính: Không có
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 2023 của Công ty I.D.I là 74.411 tấn cá nguyên liệu.

- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: Không có

**6.3. Tiêu thụ năng lượng.**

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty trong năm 2023 là: 27.238.765 kWh điện lưới quốc gia và 1.342.235 KW điện năng lượng mặt trời.
- Năm 2023, Công ty sử dụng 20.000 lít dầu DO.
- Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong sản xuất của bộ phận nhà máy:
  - + Quản lý vận hành thiết bị điện năng tiết kiệm, hiệu quả và tránh lãng phí.
  - + Thay thế các thiết bị tiết kiệm điện năng như bóng đèn LED, gắn pin năng lượng mặt trời hấp thụ nhiệt năng ban ngày để chiếu sáng các bóng đèn bên trong và ngoài Công ty về ban đêm.
  - + Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 1,06 MWH.

**6.4. Tiêu thụ nước.**

- Năm 2023, Công ty sử dụng khoảng 394.480 m<sup>3</sup> nước sạch.
- Công ty không tái chế lượng nước đã sử dụng để đảm bảo chất lượng sản phẩm tốt nhất xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

**6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ Môi trường.**

- Số lần bị xử phạt vi phạm các quy định về Môi trường: Không có
- Tổng số tiền bị xử phạt do vi phạm các quy định về Môi trường: Không có

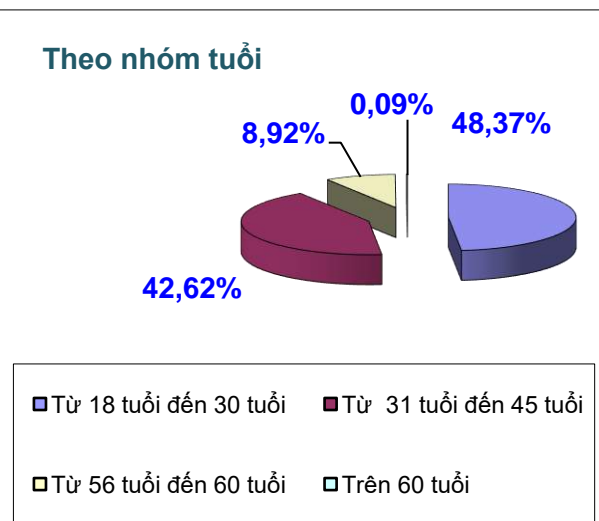
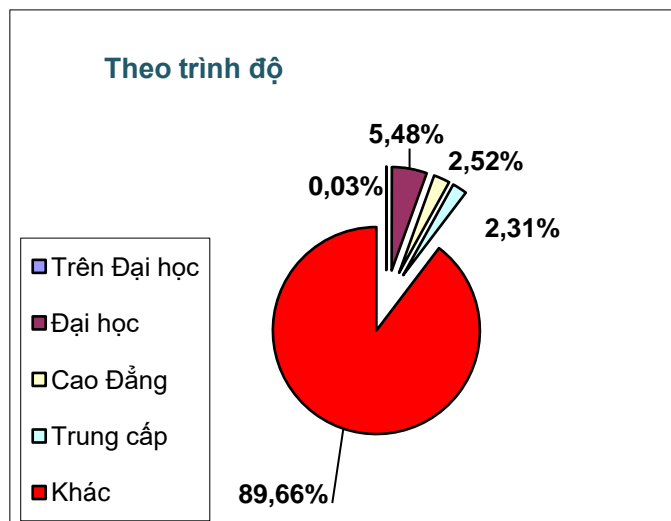
**6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.**

- **Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:**
- + Tổng số cán bộ nhân viên và công nhân Công ty I.D.I cuối năm 2023 là 3.250 người.

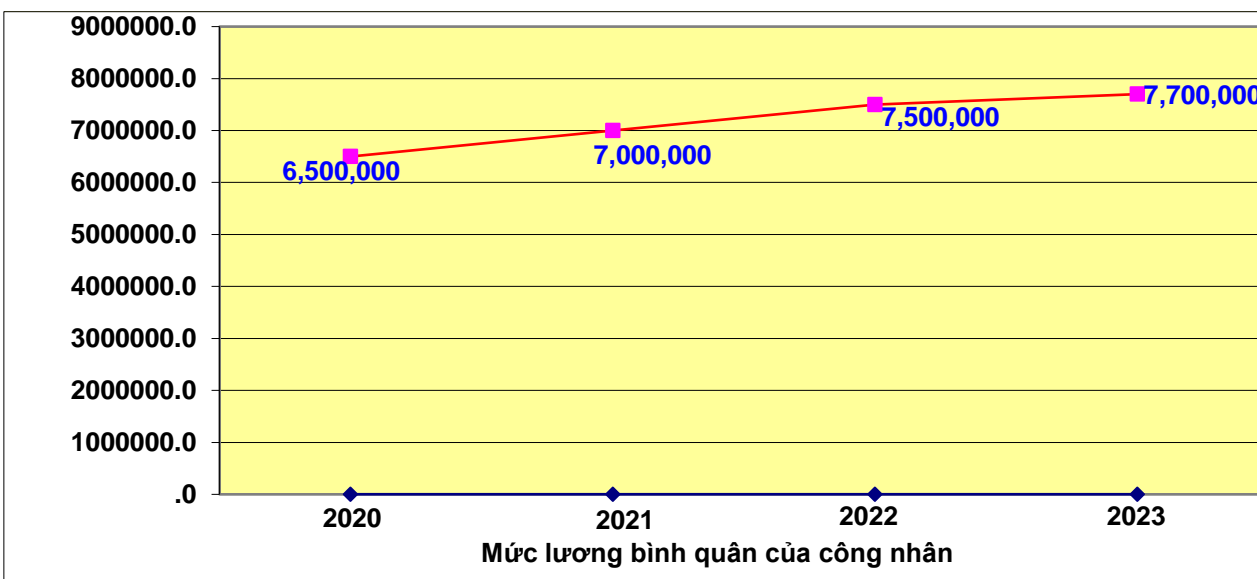
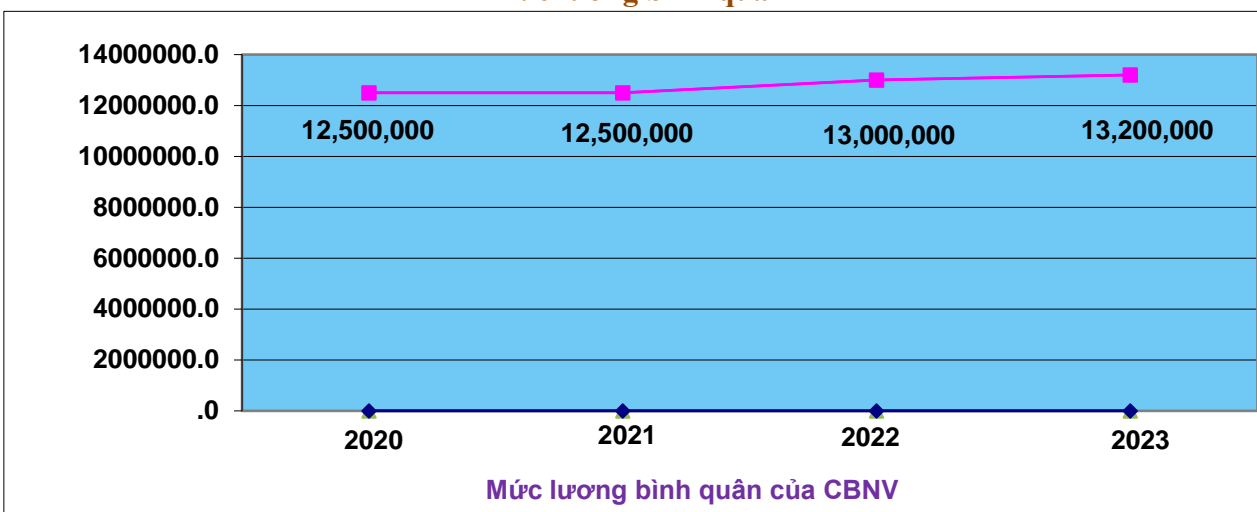
**BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG**

(Đvt: Người)

A	Theo trình độ	3.250	100,00%
1	Trên Đại học	1	0,03%
2	Đại học	178	5,48%
3	Cao Đẳng	82	2,52%
4	Trung cấp	75	2,31%
5	Khác	2.914	89,66%
B	Theo nhóm tuổi	3.250	100,00%
1	Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	1.572	48,37%
2	Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	1.385	42,62%
3	Từ 56 tuổi đến 60 tuổi	290	8,92%
4	Trên 60 tuổi	3	0,09%



**Mức lương bình quân**



*Biểu đồ thể hiện mức lương của CB\_CNV qua các năm gần đây*

**- Các chính sách đối với người lao động:**

+ Lương, thưởng và phúc lợi: Công ty luôn duy trì mức lương cho cán bộ, nhân viên cao hơn so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực. Nhằm thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương đặc biệt cạnh tranh đối với các nhân sự giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân CBNV, mặt khác thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau vào làm việc cho Công ty. Đồng thời thực hiện thưởng trong các ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, Tết dương lịch, Tết âm lịch... Mỗi tháng Công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, đạt năng suất và chấp hành tốt các quy định.

+ CBCNV làm việc tại Công ty đều được hưởng tháng lương thứ 13, được ghi nhận những thành tích đóng góp trong năm và có những phần thưởng xứng đáng.

+ Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

+ Công ty cấp phát đồng phục cho CBCNV mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động trong quá trình làm việc.

+ Hỗ trợ suất ăn giữa ca cho tất cả CBCNV, bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn luôn đa dạng, được luân phiên nhằm đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để người lao động có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả.

+ Ngoài ra Công ty còn hỗ trợ chi phí qua phà, đò, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động để mọi người an tâm làm việc.

**- Các chính sách phúc lợi khác:**

+ Tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tập thể, tổ chức cho CBCNV cùng gia đình đi thăm quan, nghỉ mát... qua đó CBCNV cũng sẽ có cơ hội hiểu nhau hơn và phát huy được tinh thần làm việc nhóm hiệu quả hơn.

+ Thành lập Quỹ hỗ trợ CBCNV gặp khó khăn với mục đích trợ cấp, hỗ trợ (một lần hoặc lâu dài) cho những CBCNV và người thân trong gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Tặng quà vào những sự kiện quan trọng của mỗi cá nhân như ngày sinh nhật, kết hôn, hay vào các dịp lễ: Quốc tế phụ nữ, ngày phụ nữ Việt Nam, Tết Trung thu, Tết Nguyên đán...

+ Tổ chức các khóa đào tạo về chuyên môn nhằm hoàn thiện các kỹ năng, khiến thúc đẩy ứng dụng yêu cầu và thách thức trong công việc, có cơ hội tham gia các buổi huấn luyện thực tế được tổ chức thường xuyên để mọi người có thể trải nghiệm và học hỏi.

**- Khen thưởng**

+ Định kỳ cuối năm, Công ty tổ chức bình xét khen thưởng đối với các phòng ban, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm.

+ Khen thưởng đột xuất đối với cá nhân có sáng kiến áp dụng hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, cải thiện công tác quản lý của Công ty.

**- Hoạt động đào tạo người lao động.**

+ Thường xuyên cử Cán bộ tham dự các lớp đào tạo trong và ngoài nước do VCCI và các cơ quan, hiệp hội tổ chức để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

+ Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

+ Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công công việc phù hợp.

+ Công ty thanh toán toàn bộ chi phí liên quan đến đào tạo người lao động.

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Năm 2023, Công ty tham gia hỗ trợ một số chương trình thiện nguyện ở địa phương và các vùng lân cận như sau:

- Tài trợ cấp xe đạp cho học sinh nghèo ở xã Bình Thành, huyện Lập Vò, Đồng Tháp nhân dịp khai giảng năm học mới.

- Ủng hộ chương trình “Cây mùa xuân cho trẻ em nghèo tỉnh Đồng Tháp” nhân dịp Tết nguyên Đán.

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh.**

Do đặc thù về lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là về lĩnh vực nuôi trồng, chế biến, bảo quản và xuất khẩu thủy sản nên hiện tại Công ty chưa tiếp cận đến nguồn vốn thị trường xanh.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.****1.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023**

Tổng số lượng hàng xuất bán (Tấn)	Tỷ lệ các sản phẩm bán ra trên khối lượng (gross)	Tổng doanh thu Xuất khẩu (USD)	Tỷ lệ đạt so với kế hoạch 2023 Về doanh thu
<b>50.616</b>	* Fillets: 85 % * Sản phẩm khác từ cá tra: 15%	<b>107.739.567</b>	<b>80%</b>

Doanh thu xuất khẩu năm 2023 của Công ty I.D.I đạt gần 108 triệu USD, giảm 18% so với năm 2022. Năm 2023, dưới tác động của lạm phát, bất ổn kinh tế, chính trị thế giới, ngành cá tra gặp rất nhiều khó khăn. Tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra Việt Nam năm 2023 đạt hơn 1.8 tỷ USD, giảm 25% so với năm 2022. Giá trị xuất khẩu sụt giảm ở hầu hết các thị trường chính so với cùng kỳ: Trung Quốc & Hongkong đạt 573 triệu USD, giảm gần 20%; Mỹ đạt 271 triệu USD, giảm gần 50%; các nước CPTPP đạt 249 triệu USD, giảm gần 24%; EU đạt 169 triệu USD, giảm 18%. Chính vì vậy mà doanh thu xuất khẩu của Công ty I.D.I năm 2023 chỉ đạt 80% kế hoạch đề ra.

Năm 2024 được dự đoán sẽ tích cực hơn đối với ngành cá tra với triển vọng phục hồi từ Trung Quốc và Mỹ nhờ các chính sách hỗ trợ bất động sản/kích thích tiêu dùng ở Trung Quốc cũng như lạm phát hạ nhiệt tại Mỹ cùng khả năng chi tiêu được cải thiện hơn so với trước đó. Bên cạnh đó, Bộ Thương Mại Mỹ đã công bố kết quả thuế chống bán phá giá cho đợt rà soát POR 19, mức thuế của Công ty I.D.I giảm mạnh từ mức 2.39\$/kg về 0.18\$/kg, mở ra cơ hội vô cùng lớn cho các sản phẩm của I.D.I vào thị trường Mỹ. Với nhiều chính sách đặc biệt chăm sóc khách hàng và chiến lược giữ vững thị phần ở các thị trường truyền thống cùng các nỗ lực mở thị trường mới, chắc chắn I.D.I sẽ đạt được nhiều kết quả đột biến trong năm 2024.

**1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được.****1.2.1. Nguyên vật liệu.**

- Công ty đang có vùng nuôi liên kết rộng lớn với các hộ nuôi cá, tổng sản lượng khoảng 85.500 tấn cá nguyên liệu/năm, chiếm khoảng 90% tổng sản lượng nguyên liệu cần cho 2 nhà máy chế biến thủy sản của Công ty.

- Với việc chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào đã giúp cho Công ty ổn định hoạt động sản xuất của 2 nhà máy. Đặc biệt vào những thời điểm giá cá nguyên liệu tăng cao, nguồn nguyên liệu ngoài thị trường trở nên khan hiếm thì đây là lợi thế rất lớn cho Công ty.

**1.2.2. Trình độ công nghệ.**

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.

### 1.2.3. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2011, ASC, HACCP, HALAL, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắt khe nhất của thị trường thế giới.

### 1.2.4. Hoạt động Marketing.

- Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến Thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức với các điều kiện an toàn cho phép như:

- + Tháng 3 (12/03 - 14/03/2023): Hội chợ Boston tại Mỹ
- + Tháng 4 (25/04 - 27/04/2023): Hội chợ Thủy sản Toàn Cầu Barcelona tại Tây Ban Nha
- + Tháng 5 (23/05 - 27/05/2023): Hội chợ ThaiFex tại Thái Lan
- + Tháng 9 (11/09 - 13/09/2023): Hội chợ thủy sản Châu Á 2023 tại Singapore
- + Tháng 10 (25/10 - 27/10/2023): Hội chợ Thanh Đảo tại Trung Quốc
- + Tháng 11 (01/11 - 03/11/2023): Hội chợ Thủy sản và Nghề cá Busan tại Hàn Quốc

- Tổ chức đăng tải các bài viết quảng cáo về các sản phẩm của Công ty trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản.





## 2. Tình hình tài chính.

### 2.1. Phân tích tình hình tài sản.

(Đvt: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng tài sản	7.714	7.554	8.084	8.277
Doanh thu thuần	6.374	5.719	7.931	7.221
Lợi nhuận trước thuế	121	181	618	107

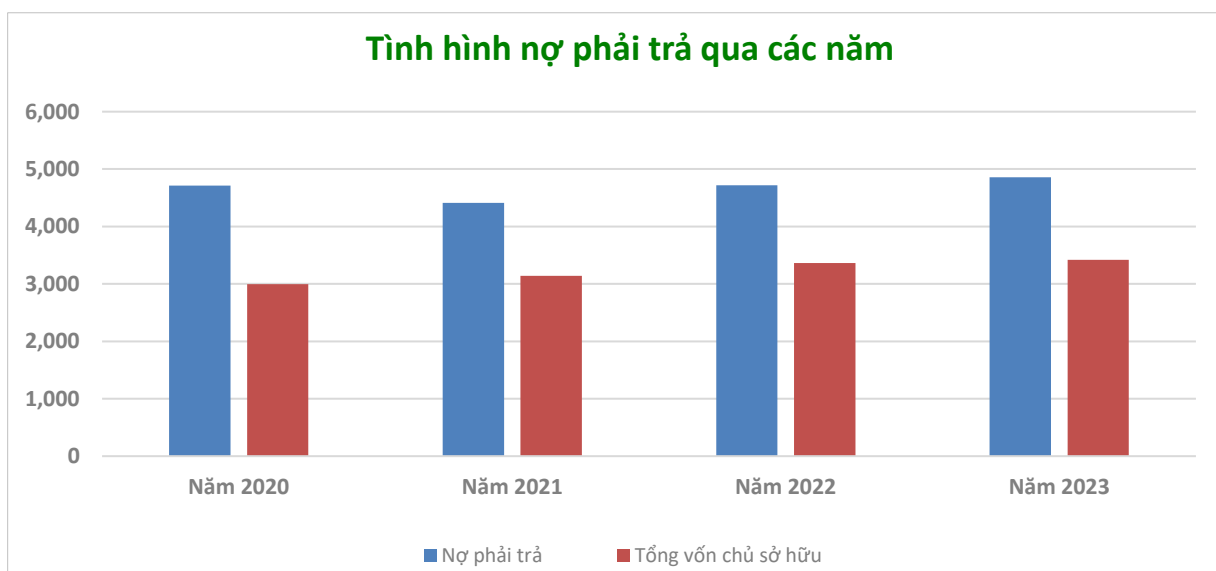
Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
<b>Hiệu quả sử dụng tài sản</b> ( Doanh thu thuần/Tổng tài sản )	82,63%	75,71%	98,10%	87,24%
<b>Tỉ suất sinh lời tài sản</b> ( Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản )	1,57%	2,40%	7,64%	1,29%

Từ bảng phân tích hiệu quả sử dụng tài sản qua các năm, ta thấy hiệu quả sử dụng 1 đồng tài sản của Công ty trung bình luôn đạt trên 75% doanh thu thuần. Năm 2023 hiệu quả sử dụng tài sản này đạt hơn 87% cho thấy Công ty luôn sử dụng từng đồng tài sản của Công ty đạt hiệu quả cao và luôn có trách nhiệm cao với từng đồng tài sản bỏ ra.

### 2.2. Tình hình nợ phải trả.

(Đvt.: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Nợ phải trả	4.602	4.715	4.411	4.718
Tổng vốn chủ sở hữu	2.891	2.999	3.143	3.366
Tổng cộng nguồn vốn	7.494	7.714	7.554	8.084





Nợ phải trả năm 2023 của Công ty tăng 6,96% so với năm 2022. Nguyên nhân là cuối năm 2023 giá cả nguyên liệu ngoài thị trường chững lại và giảm xuống, bên cạnh đó là lãi suất cho vay tại các Tổ chức tín dụng giảm mạnh, nên Công ty đã tranh thủ nhận nợ thêm tại các tổ chức tín dụng để thanh toán cho nguồn cá nguyên liệu giá thấp ngoài thị trường để làm sản phẩm chiến lược, khi thị trường xuất khẩu khởi sắc thì sẽ đạt được hiệu quả cao. Công ty luôn cam kết sử dụng có hiệu quả nhất đối với từng đồng vốn đi vay và thực hiện thanh toán đúng thời hạn ký kết trên các hợp đồng kinh tế với khách hàng, cũng như thanh toán đúng thời hạn trên các khế ước nhận nợ của các Tổ chức tín dụng. Ngân hàng nên chưa từng xảy ra tình trạng nợ phải trả quá hạn.

### 3. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024 (Riêng Công ty mẹ).

#### - Mục tiêu, định hướng kinh doanh.

+ Giữ vững khách hàng và thị phần của Công ty, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng, mở lại thị trường Mỹ, tích cực phát triển thị trường mới.

+ Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu xuất khẩu thủy sản của Công ty đạt mức khoảng 136,4 triệu USD và đạt lợi nhuận sau thuế là khoảng 175 tỷ đồng.

+ Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.

+ Tiếp tục phấn đấu nâng thứ hạng của Công ty I.D.I lên Top 2 Công ty chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.

#### - Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2024:

(Đvt: Tấn)

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	732	1.342	244	122	488	162	162	3.252
2	634	1.163	211	106	423	141	141	2.819
3	781	1.431	260	130	521	173	173	3.469
4	781	1.431	260	130	521	173	173	3.469
5	691	1.659	277	138	553	184	184	3.686
6	691	1.659	277	138	553	184	184	3.686
7	732	1.757	293	146	586	195	195	3.904
8	732	1.757	293	146	586	195	195	3.904
9	773	1.854	309	154	618	206	206	4.120
10	793	1.903	318	158	634	211	211	4.228
11	854	2.049	342	171	683	228	228	4.555
12	1.074	1.968	358	179	716	239	239	4.773
Tổng	9.268	19.973	3.442	1.718	6.882	2.291	2.291	45.865

**- Doanh thu xuất khẩu theo kế hoạch năm 2024:**

(Đvt: USD)

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
1	2.708.400	4.294.400	732.000	317.200	1.073.600	299.700	283.500	9.708.800
2	2.345.800	3.721.600	633.000	275.600	930.600	260.850	246.750	8.414.200
3	2.889.700	4.579.200	780.000	338.000	1.146.200	320.050	302.750	10.355.900
4	2.889.700	4.579.200	780.000	338.000	1.146.200	320.050	302.750	10.355.900
5	2.556.700	5.308.800	831.000	358.800	1.216.600	340.400	322.000	10.934.300
6	2.556.700	5.308.800	831.000	358.800	1.216.600	340.400	322.000	10.934.300
7	2.708.400	5.622.400	879.000	379.600	1.289.200	360.750	341.250	11.580.600
8	2.708.400	5.622.400	879.000	379.600	1.289.200	360.750	341.250	11.580.600
9	2.860.100	5.932.800	927.000	400.400	1.359.600	381.100	360.500	12.221.500
10	2.934.100	6.089.600	954.000	410.800	1.394.800	390.350	369.250	12.542.900
11	3.159.800	6.556.800	1.026.000	444.600	1.502.600	421.800	399.000	13.510.600
12	3.973.800	6.297.600	1.074.000	465.400	1.575.200	442.150	418.250	14.246.400
<b>Tổng</b>	<b>34.291.600</b>	<b>63.913.600</b>	<b>10.326.000</b>	<b>4.466.800</b>	<b>15.140.400</b>	<b>4.238.350</b>	<b>4.009.250</b>	<b>136.386.000</b>

**- Kế hoạch sản xuất năm 2024:**

(Đvt: Tấn)

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	735	1.348	245	123	490	163	163	3.267
2	637	1.168	212	106	425	142	142	2.832
3	784	1.437	261	131	523	174	174	3.484
4	784	1.437	261	131	523	174	174	3.484
5	694	1.666	278	139	555	185	185	3.702
6	694	1.666	278	139	555	185	185	3.702
7	735	1.764	294	147	588	196	196	3.920
8	735	1.764	294	147	588	196	196	3.920
9	776	1.862	310	155	621	207	207	4.138
10	796	1.911	319	159	637	212	212	4.246
11	858	2.058	343	172	686	229	229	4.575
12	1.078	1.976	359	180	719	240	240	4.792
<b>Tổng</b>	<b>9.306</b>	<b>20.057</b>	<b>3.454</b>	<b>1.729</b>	<b>6.910</b>	<b>2.303</b>	<b>2.303</b>	<b>46.062</b>

**- Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.**

(Đvt: Tấn)

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
1	4.251	2.289	6.540
2	3.686	1.985	5.671
3	4.535	2.442	6.977
4	4.535	2.442	6.977
5	4.448	2.965	7.413
6	4.448	2.965	7.413
7	4.710	3.140	7.850
8	4.710	3.140	7.850
9	4.972	3.314	8.286
10	5.102	3.401	8.503
11	5.495	3.664	9.159
12	6.237	3.359	9.596
<b>Tổng</b>	<b>57.129</b>	<b>35.106</b>	<b>92.235</b>

**- Dự kiến sản lượng thức ăn tiêu thụ trong năm 2024**

(Đvt: Tấn)

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	2.300	8.200	10.500
2	2.300	8.200	10.500
3	2.300	8.200	10.500
4	2.200	8.300	10.500
5	2.200	8.300	10.500
6	2.100	8.900	11.000
7	2.100	8.900	11.000
8	2.100	8.900	11.000
9	2.100	9.100	11.200
10	2.100	9.000	11.200
11	2.000	9.200	11.200
12	2.000	9.228	11.228
<b>Tổng</b>	<b>25.800</b>	<b>104.428</b>	<b>130.328</b>

**- Dự kiến giá bán thức ăn tiêu thụ trong năm 2024**

Loại thức ăn	Đồng/kg
Thức ăn 3 ly 28% đạm	14.500
Thức ăn 5 ly 26% đạm	13.500

**- Dự báo doanh thu từ kinh doanh thức ăn trong năm 2024:**

(Đvt: Tỷ đồng)

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	33	111	144
2	33	111	144
3	33	111	144
4	32	112	144
5	32	112	144
6	30	120	151
7	30	120	151
8	30	120	151
9	30	123	153
10	30	122	152
11	29	124	153
12	29	125	154
<b>Tổng</b>	<b>374</b>	<b>1.410</b>	<b>1.784</b>

**- Dự báo kết quả kinh doanh năm 2024**

(Đvt: Tỷ đồng)

Chỉ tiêu	BCTC 2023 Hợp nhất	Kế hoạch 2024		
		IDI	Trisedco	Tổng cộng hợp nhất kế hoạch 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.224	5.403	3.096	8.499
2. Giá vốn hàng bán	6.697	4.982	2.919	7.901
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	524	421,4	176,5	598
4. Doanh thu hoạt động tài chính	217,5	183,5	42,6	226
5. Chi phí tài chính	411,7	250,4	82,2	332,5
6. Chi phí bán hàng	132	120,6	28,2	148,8
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	89,8	57,4	7,7	65,2
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	108	176,5	111	277,5
9. Thu nhập khác	13	15,9	0,15	16
10. Chi phí khác	14,7	5,2	0,3	5,5
11. Lợi nhuận khác	-1,6	10,6	-0,28	10,3
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18,7	11,8	0,28	12,1
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>87,7</b>	<b>175,3</b>	<b>100,4</b>	<b>275,7</b>

#### 4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.

##### 4.1. Về công trình bảo vệ Môi trường (BVMT) đối với nước thải.

###### 4.1.1. Xử lý nước thải

- Công ty có 01 công trình xử lý nước thải công suất thiết kế 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, quy trình xử lý và quy mô công suất không thay đổi so với trước đây. Hiện tại, hệ thống xử lý nước thải của Công ty đang tiếp nhận và xử lý nước thải từ 04 Nhà máy trong Cụm Công nghiệp Vàm Cống với lưu lượng nước thải phát sinh hàng ngày như sau:

- Nước thải từ hai Nhà máy trực thuộc Công ty I.D.I gồm:
  - + Nhà máy chế biến, đông lạnh XK thủy sản Đa Quốc Gia (NM số 1): 800 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
  - + Nhà máy chế biến, đông lạnh XK Thủy hải sản sạch (NM số 2): 650 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Nước thải từ hai Nhà máy trực thuộc Công ty TRISEDCO gồm:
  - + Nhà máy chế biến bột cá – mỡ cá Trisedco: 60 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
  - + Nhà máy chế biến dầu ăn: 25m<sup>3</sup>/ngày đêm.;
- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2023 là 394.480 m<sup>3</sup>/năm (Bình quân khoảng 1.535 m<sup>3</sup>/ngày đêm). Và năm gần nhất 2022: 421.600 m<sup>3</sup>/năm (Bình quân khoảng 1.517 m<sup>3</sup>/ngày đêm).
- Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động Môi trường là 810.000 m<sup>3</sup> (tương đương 2.700m<sup>3</sup>/ngày.đêm).
- Kết quả vận hành hệ thống xử lý nước thải:
  - + Hiện tại hệ thống xử lý nước thải của Công ty đang được vận hành liên tục và hoạt động ổn định đáp ứng tốt việc xử lý nước thải phát sinh từ 4 Nhà máy sản xuất nêu trên.
  - + Căn cứ vào kết quả quan trắc phân tích mẫu nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý nước thải cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều nằm dưới ngưỡng cho phép theo QCVN 11-MT: 2015/BTNMT, Cột A.

###### 4.1.2. Kết quả quan trắc nước thải

Tổng hợp kết quả quan trắc theo từng đợt quan trắc (quan trắc định kỳ).

###### a. Quan trắc định kỳ nước thải.

- Thời gian quan trắc: 04 đợt ngày 15/3/2023; 05/6/2023; 22/8/2023 và 07/11/2023.
- Tần suất quan trắc: là 03 tháng/lần;
- Vị trí các điểm quan trắc: 05 vị trí, gồm:
  - + Tại mương gom nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải
  - + Tại hồ thu mẫu nước thải sau xử lý
  - + Tại cống xả khi xả thải ra Môi trường
  - + Tại vị trí cách cống xả thải 0,3km về phía thượng nguồn
  - + Tại vị trí cách cống xả thải 0,3km về phía hạ nguồn
- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 5 mẫu/đợt x 4 đợt = 20 mẫu
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN):
  - + Nước thải trước và sau xử lý: QCVN11-MT:2015/BTNMT, Cột A;
  - + Nước mặt nguồn tiếp nhận sau xử lý: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2 và QCVN 08:2023/BTNMT, Bảng 2, Cột A.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường (trực thuộc Sở Tài nguyên & Môi trường Đồng Tháp); Số Vmcerts: 109.
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn (nếu có):

Bảng 1.1. Thống kê vị trí điểm quan trắc và kết quả quan trắc vượt QCVN (nếu có)

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Khu vực xả thải (Sông Hậu)							
a	Điểm quan trắc 1	T. CXT	15/3/2023	553620	1143025	BOD <sub>5</sub>	10	6
			22/8/2023	553620	1143025	BOD <sub>5</sub>	11	6
						COD	17	15
						TSS	92	30
						Coliforms	24 x 10 <sup>3</sup>	5.000
			07/11/2023	553620	1143025	BOD <sub>5</sub>	18	4
						COD	26	10
						TSS	80	25
						Coliforms	9.400	1.000
b	Điểm quan trắc 2	Tr. CXT	15/3/2023	553687	1143325	BOD <sub>5</sub>	10	6
			22/8/2023	553687	1143325	TSS	31	30
						BOD <sub>5</sub>	10	6
						COD	16	15
						TSS	96	30
			07/11/2023	553687	1143325	Coliforms	24 x 10 <sup>3</sup>	5.000
						BOD <sub>5</sub>	16	4
						COD	24	10
						TSS	95	25
07/11/2023	553687	1143325	Coliforms	9.400	1.000			
			BOD <sub>5</sub>	12	6			
			COD	18	15			
			TSS	32	30			
c	Điểm quan trắc 3	S. CXT	05/6/2023	553756	1142791	BOD <sub>5</sub>	7	6
			22/8/2023	553756	1142791	BOD <sub>5</sub>	10	6
						TSS	95	30
						Coliforms	11 x 10 <sup>3</sup>	5.000
						BOD <sub>5</sub>	15	4
			07/11/2023	553756	1142791	COD	23	10
						TSS	62	25
						Coliforms	9.400	1.000

**Ghi chú:**

- T. CXT: Tại cống xả khi xả thải ra Môi trường
- Tr. CXT: Tại vị trí cách cống xả thải 0,3km về phía thượng nguồn
- S. CXT: Tại vị trí cách cống xả thải 0,3km về phía hạ nguồn
- Giá trị QCVN: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2 & QCVN 08:2023/BTNMT, Bảng 2, Cột A.
- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:
  - + Đối với nước thải sau xử lý của Công ty kết quả phân tích mẫu trong 4 đợt quan trắc trong năm 2023 các thông số đều đạt theo QCVN11-MT: 2015/BTNMT, Cột A.

+ Đối với nước mặt quan trắc tại 03 điểm trong lưu vực xả thải là: tại công xả thải, cách cống xả thải 0,3km về phía thượng nguồn và cách cống xả thải 0,3km về phía hạ nguồn Sông Hậu. Kết quả quan trắc nước mặt trong lưu vực xả thải có một số thông số Môi trường vượt ngưỡng quy định theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Cột A2 và QCVN 08:2023/BTNMT, Bảng 2, Cột A.

b. Quan trắc nước thải liên tục, tự động (chưa lắp đặt).

#### 4.2. Về công trình bảo vệ Môi trường đối với khí thải.

##### 4.2.1 Xử lý khí thải:

Công ty không có công trình phát sinh khí thải ra Môi trường.

##### 4.2.2. Kết quả quan trắc khí thải.

a. Kết quả quan trắc định kỳ.

- Thời gian quan trắc: 04 đợt ngày 15/3/2023; 05/6/2023; 22/8/2023 và 07/11/2023.

- Tần suất quan trắc: là 03 tháng/lần

- Vị trí các điểm quan trắc: 03 vị trí, gồm:

+ Tại vị trí cổng bảo vệ của công ty.

+ Tại vị trí phân xưởng chính nhà máy.

+ Tại vị trí khu cấp đông nhà máy.

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 3 mẫu/đợt x 4 đợt = 12 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng (QCVN):

+ QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 05:2013/BTNMT.

+ QCVN 24:2016/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường (trực thuộc Sở Tài nguyên & Môi trường Đồng Tháp); Số Vimcerts: 109.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: không

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc: Chất lượng không khí tại các khu vực của Công ty qua kết quả phân tích mẫu trong 4 đợt quan trắc năm 2023 cho thấy các thông số hầu hết đều đạt theo QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 05:2013/BTNMT (trung bình trong 1 giờ); QCVN 24:2016/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

b. Quan trắc khí thải tự động, liên tục: (không)

#### 4.3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

##### 4.3.1. Nhà máy chế biến, đông lạnh xuất khẩu thủy sản Đa Quốc Gia (Nhà máy số 1):

Thống kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Rác thải	684.000	DOWASEN – Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	504.000
	Tổng cộng	684.000		504.000

**Thông kê CTCRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):**

TT	Nhóm CTCRCNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phụ phẩm của quá trình chế biến cá tra – cá basa	22.492.535	Công ty CP Xuất khẩu Thủy hải sản Sạch	25.907.454
2	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất	381.221	1. Đoàn Thị Xuân Mai Số: 31/3, Bùi Văn Danh, Long Xuyên, An Giang 2. Công ty TNHH MTV Ngọc Thảo Số: 68 Mậu Thân, phường An Nghiệp, quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.	432.505
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22.873.756</b>		<b>26.339.959</b>

**4.3.2. Nhà máy chế biến, đông lạnh xuất khẩu Thủy hải sản sạch (Nhà máy số 2):**

**Thông kê CTRSH:**

TT	CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm gần nhất (tấn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Rác thải	456.000	DOWASEN – CN Dịch vụ Môi trường	336.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>456.000</b>		<b>336.000</b>

**Thông kê CTCRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):**

TT	Nhóm CTCRCNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCRCNTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Phụ phẩm của quá trình chế biến cá tra – cá basa	14.995.023	Công ty CP Xuất khẩu Thủy hải sản Sạch	17.271.636
2	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất	254.147	1. Đoàn Thị Xuân Mai Số: 31/3, Bùi Văn Danh, Long Xuyên, An Giang 2. Công ty TNHH MTV Ngọc Thảo Số: 68 Mậu Thân, phường An Nghiệp, Ninh Kiều, Tp Cần Thơ.	288.337
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15.249.170</b>		<b>17.559.973</b>



**4.4. Về quản lý chất thải nguy hại.****4.4.1. Nhà máy chế biến, đông lạnh xuất khẩu thủy sản Đa Quốc Gia (Nhà máy số 1):**

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý <sup>(i)</sup>	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	28,2	Nghiên, PT, HR	Công ty TNHH Môi trường Chân Lý	58,8
Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt, giấy lau dính dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	25,2	Phối trộn, TĐ, HR		105
Cặn dầu nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	17 06 01	135	Phối trộn, TĐ, HR	Công ty TNHH Môi trường Chân Lý	144
Hộp mực in thải có chứa TPNH	08 02 04	21,6	Phối trộn, TĐ, HR		12
Nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng tại trạm cấp nước	12 06 01	0	Không phát sinh		42
Bùn thải có chứa các TPNH từ quá trình xử lý nước thải	12 06 06	2.005	Phối trộn, TĐ, HR		1.710
<b>Tổng số lượng</b>		<b>2.215</b>			<b>2.071,8</b>

<sup>(i)</sup> Phương pháp xử lý áp dụng đối với từng CTNH: PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn).

a. Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): không

b. Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): không

**4.4.2. Nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu thủy hải sản Sạch (Nhà máy số 2):**

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý <sup>(i)</sup>	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	18,8	Nghiên, PT, HR	Công ty TNHH Môi trường Chân Lý	39,2
Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt, giấy lau dính dầu nhớt, hóa chất	18 02 01	16,8	Phối trộn, TĐ, HR		70

Cặn dầu nhớt bảo trì máy móc, cặn dầu DO	17 06 01	90	Phối trộn, TĐ, HR	96
Hộp mực in thải có chứa TPNH	08 02 04	14,4	Phối trộn, TĐ, HR	8
Tổng số lượng		140		213,2

(i) Phương pháp xử lý áp dụng đối với từng CTNH: PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn).

a. Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): không

b. Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): không

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:

+ Trong hoạt động sản xuất của các nhà máy phát sinh chất thải nguy hại, Công ty cho thu gom, phân loại và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại của Công ty.

+ Trong kỳ tới Công ty sẽ tiếp tục ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Chân Lý hoặc đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo qui định. Định kỳ 06 tháng/ lần thu gom về xử lý đảm bảo vệ sinh Môi trường.

- Kết quả quan trắc bùn thải, chất thải rắn có chứa thành phần nguy hại loại 1 sao (nếu có): không

#### 4.5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố Môi trường:

Trong năm 2023 Công ty I.D.I không bị sự cố về Môi trường.

#### 4.6. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có):

Không có.

### 5. Kế hoạch quan trắc môi trường năm 2024.

Căn cứ chương trình giám sát Môi trường trong báo cáo đánh giá tác động Môi trường (ĐTM) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc gia I.D.I lập kế hoạch quan trắc Môi trường tại các Nhà máy chế biến thủy sản; cụ thể như sau:

STT	Nội dung quan trắc	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu quan trắc	Ghi chú
<b>I. QUAN TRẮC NƯỚC THẢI.</b>				
1	Quan trắc nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải	Tại mương gom nước đầu vào hệ thống xử lý nước thải.	04 lần/năm	
2	Quan trắc nước thải sau xử lý trước khi xả thải ra Môi trường tiếp nhận (Sông Hậu)	Tại hố thu mẫu nước thải sau xử lý trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận	04 lần/năm	
<b>II. QUAN TRẮC NƯỚC MẶT</b>				
1	Quan trắc nước mặt tại vị trí cống xả thải	Tại vị trí cống xả thải	04 lần/năm	
2	Quan trắc nước mặt tại vị trí cách cống xả thải 0,3km về phía thượng nguồn.	Tại vị trí cách cống xả thải 0,3km về phía thượng nguồn.	04 lần/năm	

3	Quan trắc nước mặt tại vị trí cách cống xả thải 0,3km về phía hạ nguồn.	Tại vị trí cách cống xả thải 0,3km về phía hạ nguồn.	04 lần/năm	
<b>III. QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ TRONG KHUÔN VIÊN NHÀ MÁY</b>				
1	Quan trắc không khí trong khuôn viên Nhà máy chế biến thủy sản	Tại vị trí cổng bảo vệ của công ty.	04 lần/năm	
2	Quan trắc không khí bên trong Nhà máy chế biến thủy sản	Tại vị trí phân xưởng chính nhà máy (khu vực sửa cá).	04 lần/năm	
		Tại vị trí khu cấp đông nhà máy.	04 lần/năm	

Đơn vị được lấy mẫu quan trắc: Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Đồng Tháp.



## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

### 1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty.

- **Tình hình vùng nuôi:** Đã thực hiện tốt công tác giám sát chặt chẽ việc giao nhận thức ăn cho cá tra đúng và đủ khối lượng nhu cầu sử dụng, theo dõi tình hình phát triển của cá tra nguyên liệu. Đảm bảo cung cấp đạt trên 80% nhu cầu sản xuất của Công ty.

- **Tình hình thu mua nguyên liệu:** Luôn cập nhật giá cá nguyên liệu biến động hàng ngày để có thể chốt được giá liên kết hợp lý nhất. Cân đối linh hoạt việc thu mua nguyên liệu giá thấp trên thị trường để đáp ứng đủ các đơn hàng xuất khẩu và tận dụng làm sản phẩm chiến lược.

- **Tình hình phát triển thị trường:** Luôn đáp ứng các nhu cầu của khách hàng để duy trì khách hàng cũ, khách hàng tiềm năng, đồng thời vẫn tìm kiếm thị trường mới nên các sản phẩm của Công ty vẫn đi đến 52 quốc gia trên thế giới trong năm 2023.

- **Về tác động môi trường:** Công ty có các giải pháp bảo vệ môi trường bằng nhiều hình thức khác nhau như luôn đảm bảo xử lý nước thải theo đúng quy định, thường xuyên quét dọn, vệ sinh môi trường trong và ngoài nhà máy sản xuất, thuê công ty thu gom xử lý rác thải thường xuyên vào Công ty xử lý rác thải, tích cực trồng thêm nhiều cây xanh dọc đường đi, xung quanh nhà các nhà máy, trụ sở làm việc và khuôn viên... Bên cạnh đó, Công ty đã lắp đặt được 1,06MW năng lượng điện mặt trời áp mái, gắn trên mái các nhà máy, kho xưởng, tòa nhà văn phòng, giúp thay thế một phần sử dụng điện lưới quốc gia.

- **Về trách nhiệm với cộng đồng và xã hội:** Mục tiêu và phương hướng hoạt động của Công ty là phát triển bền vững, đồng thời thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Công ty luôn quan tâm đảm bảo đời sống cán bộ công nhân viên luôn được nâng cao cả về vật chất và tinh thần, xây dựng môi trường làm việc năng động trẻ trung và có nhiều cơ hội phát triển. Công ty cũng đã có nhiều hoạt động thiện nguyện có ý nghĩa và đặc biệt là tinh thần “tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách” được thực hiện ngay trong nội bộ I.D.I, những hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn trong Công ty đều được tất cả các CB-CNV hỗ trợ, giúp đỡ.

### 2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, tâm huyết, nhanh chóng và kịp thời để ổn định và duy trì hoạt động sản xuất của Công ty. Trong năm 2023, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tính tuân thủ đối với các quy định về quản trị, điều hành, bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao, cụ thể:

- **Về thực hiện kế hoạch kinh doanh:** Đã thực hiện đạt 80% kế hoạch kinh doanh năm 2023 đề ra. Trước tình hình kinh tế Thế giới và nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, thách thức thì đây là kết quả đáng được ghi nhận, vì nó thể hiện tinh thần đoàn kết và nỗ lực phấn đấu không ngừng nghỉ của tập thể gần 4.000 CB-CNV Công ty IDI cùng với các quyết sách điều hành đúng đắn và phù hợp của Ban lãnh đạo để Công ty luôn ổn định sản xuất và kinh doanh có hiệu quả!

- **Về công tác nhân sự:** Luôn đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng nhu cầu kinh doanh trước, trong và sau khi giãn cách xã hội. Luôn gắn kết tập thể, đồng thời tạo môi trường quản lý tốt, hiệu quả, giúp CB-CNV đều có thể phát huy các sáng kiến, sáng tạo và vui vẻ trong công việc.

- **Về đảm bảo nguồn tài chính:** Ban Tổng Giám đốc đã cân đối tốt nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng để đáp ứng sản xuất và duy trì trả nợ đúng hạn các nguồn vốn vay nên Công ty luôn đạt tín nhiệm cao trên danh sách theo dõi của các tổ chức tín dụng.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

### 1. Hội đồng quản trị.

#### 1.1. Các thành viên



#### **Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch HĐQT**

- Các chức danh tại Công ty khác: Phó CT.HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản Trisedco.
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1958
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai sở hữu là: 116.612.431 cổ phần, chiếm 51,23% vốn Điều lệ.



#### **Ông Lê Tuấn Anh – Phó chủ tịch HĐQT**

- Các chức danh tại công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai.
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1994
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



#### **Ông Tống Phi Hùng – Thành viên HĐQT độc lập**

- Các chức danh tại Công ty khác: Không có
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1958
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



#### **Ông Đinh Văn Thép – Thành viên HĐQT độc lập**

- Các chức danh tại Công ty khác: Không có
- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1961
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



*Các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc*

### **1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tiến hành tổng số 42 cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Hàng tuần/tháng/quý, thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp với Ban tổng giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng;
- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV năm 2023.
- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như kiến nghị với Ban Tổng Giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn và hiệu quả.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng trong Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX).



## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Các thành viên:



#### **Ông Từ Thiện Thoại – Trưởng ban kiểm soát**

- Các chức danh tại Công ty khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dầu cá Châu Á (AFO).
- Giới tính: Nam;
- Năm sinh: 1989;
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



#### **Bà Nguyễn Thị Thanh Loan – Thành viên Ban kiểm soát**

- Các chức danh tại Công ty khác: Phó Giám đốc kinh doanh Công ty Trisedco.
- Giới tính: Nữ;
- Năm sinh: 1987;
- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.



#### **Bà Đoàn Nguyễn Kim Phượng – Thành viên Ban kiểm soát**

- Các chức danh tại công ty khác: Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai.
- Giới tính: Nữ;
- Năm sinh: 1984;
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ.

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Kể từ khi được thành lập ngày 15/04/2023, ban kiểm soát đã tiến hành tổng số 02 cuộc họp ban kiểm soát và tham dự 36 cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2023.

- Luôn giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Thực hiện đầy đủ chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty.

- Thực hiện kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp và tính trung thực trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác tổ chức kế toán, lập báo cáo tài chính theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiến độ triển khai công tác sản xuất kinh doanh đạt được tại thời điểm kiểm tra.
- Kiểm tra công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm thiết bị của Công ty và các đơn vị trong Công ty.
- Kiểm tra công tác quản lý công nợ.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 và báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

### **3. Ban Kiểm toán nội bộ.**

#### **3.1. Các thành viên:**

##### **3.1.1. Bà Lê Thị Phương – Trưởng ban Kiểm toán nội bộ.**

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1980
- Địa chỉ thường trú : 72 Trần Nhật Duật, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

##### **3.1.2. Bà Ngô Thị Tố Ngân – Thành viên ban Kiểm toán nội bộ.**

- Giới tính : Nữ
- Năm sinh : 1981
- Địa chỉ thường trú : 80F1 Mai Hắc Đế, P. Bình Khánh, TP.Long Xuyên, An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

##### **3.1.3. Ông Lê Hoàng Cương – Thành viên ban Kiểm toán nội bộ.**

- Giới tính : Nam
- Năm sinh : 1985
- Địa chỉ thường trú : 44 Kênh 8, Xã Thạnh Đông A, Huyện Tân Hiệp, Kiên Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

#### **3.2. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:**

- Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ của doanh nghiệp để trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ và tư vấn kiểm toán nội bộ theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị kiểm toán.
- Thường xuyên phát triển, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.
- Tư vấn cho doanh nghiệp trong việc lựa chọn và kiểm soát dịch vụ kiểm toán độc lập đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của doanh nghiệp nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả.



**4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.****4.1. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2023.**

<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>840.000.000</b>
Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch	360.000.000
Lê Văn Chung	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/04/2023)	
Lê Tuấn Anh	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/04/2023)	240.000.000
Tống Phi Hùng	Thành viên	120.000.000
Đình Văn Thép	Thành viên	120.000.000
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>108.000.000</b>
Từ Thiện Thoại	Trưởng ban	60.000.000
Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	24.000.000
Đoàn Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24.000.000
<b>Tiền lương ban Tổng giám đốc</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>2.797.091.941</b>
Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/05/2023)	300.000.000
Lê Văn Cảnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2023)	712.049.230
Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	656.368.570
Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc	542.460.110
Lê Thế Tùng	P.Tổng Giám đốc	315.380.970
Nguyễn Đức Phương	Kế toán trưởng	270.833.061

**4.2. Các khoản lợi ích khác:** Không có;

**4.3. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2023:** Không có;

**4.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:** Không có;

**4.5. Đánh giá việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:**

- Trong năm 2023 Công ty cơ bản đã thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty theo nghị định 71/2017/NĐ-CP được Chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 06/06/2017.

- Hội đồng quản trị đã xem xét và định hướng chiến lược công ty, các kế hoạch hoạt động sản xuất, chính sách rủi ro, nguồn tài chính và kế hoạch kinh doanh hàng năm; đặt ra các mục tiêu hoạt động, theo dõi việc thực hiện mục tiêu và hoạt động của Công ty.

- Giám sát hiệu quả các thực tiễn Quản trị Công ty và thực hiện các thay đổi khi cần thiết.

- Đưa ra mức thù lao của cán bộ quản lý cấp cao và Hội đồng Quản trị phù hợp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.

- Đảm bảo sự nghiêm túc và minh bạch của quy trình đề cử và bầu Hội đồng quản trị.

- Đảm bảo tính trung thực của hệ thống báo cáo kế toán và tài chính của Công ty, kể cả báo cáo kiểm toán độc lập, và bảo đảm rằng các hệ thống kiểm soát phù hợp luôn hoạt động, đặc biệt là các hệ thống quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính và hoạt động, tuân thủ theo pháp luật và các tiêu chuẩn liên quan.

- Giám sát quy trình công bố thông tin và truyền đạt thông tin. Luôn cung cấp thông tin chính xác và kịp thời tới các cơ quan có liên quan và toàn thể cổ đông của Công ty.

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023.**

**1. Ý kiến kiểm toán: Chấp thuận toàn phần.**

**2. Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán.**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

*Báo cáo tài chính hợp nhất*

*Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

*đã được kiểm toán*

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

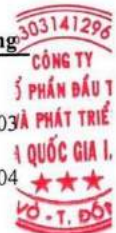


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**MỤC LỤC**

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 58



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và đến nay, công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15 tháng 05 năm 2023.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: **2.276.446.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

Chế biến thủy hải sản (Mã 1020). Mua bán thủy hải sản (Mã 4632). Kinh doanh khách sạn (Mã 5510). Mua bán vật liệu xây dựng (Mã 4663). Mua bán hàng trang trí nội thất (Mã 4649). Nuôi trồng thủy sản (Mã 0322). Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (Mã 1080). Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản); kinh doanh nhà (Mã 6810). Sản xuất nước đóng chai (Mã 1104). Sản xuất bao bì giấy - nhựa (Mã 1702, 2220). Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật (Mã 1040). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã 0810). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã 5210). Bốc xếp hàng hóa cảng biển (Mã 5224). Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới (Mã 4933, 5022). Kinh doanh thuốc thú y thủy sản (Mã 4669). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (Mã 4101, 4102, 4293, 4212). Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã 4659). Sản xuất điện (Mã 3511).

**4. Cấu trúc Công ty****Công ty con****- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản**

+ Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

+ Vốn điều lệ: 629.351.040.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 79,25%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 79,25%

**- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài chính (\*)**

+ Địa chỉ: 326 Hùng Vương - P.Mỹ Long - Tp.Long Xuyên - An Giang

+ Vốn điều lệ: 52.168.970.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 72,80%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 75,35%

**- Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắc Nông**

+ Địa chỉ: Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, X. Ea Pô, H. Cư Jút, Đắk Nông

+ Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VND

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 97,50%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết: 97,50%

(\*) Công ty đã tiến hành thoái vốn khỏi công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài chính từ ngày 08/12/2023 theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 08/12/2023; và theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I số 1205/BB-HĐQT-2023 ngày 05/12/2023

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông: Lê Thanh Thuận

Ông: Lê Văn Chung

Ông: Lê Tuấn Anh

Ông: Tống Phi Hùng

Ông: Đinh Văn Thép

Chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Thành viên

Thành viên

*Miễn nhiệm ngày 15/04/2023**Bổ nhiệm ngày 15/04/2023*

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông: Lê Văn Chung

Ông: Lê Văn Cảnh

Ông: Lê Văn Cảnh

Ông: Nguyễn Thanh Hải

Bà: Võ Thị Minh Tâm

Ông: Lê Thế Tùng

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

*Miễn nhiệm ngày 15/05/2023**Bổ nhiệm ngày 15/05/2023**Miễn nhiệm ngày 15/05/2023*

Các thành viên của Ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà: Lê Thị Phương

Bà: Ngô Thị Tố Ngân

Ông: Lê Hoàng Cương

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Từ Thiện Thoại

Bà: Nguyễn Thị Thanh Loan

Bà: Đoàn Nguyễn Kim Phương

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên

*Bổ nhiệm ngày 15/04/2023**Bổ nhiệm ngày 15/04/2023**Bổ nhiệm ngày 15/04/2023*

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Cảnh

Kế toán trưởng:

Ông: Nguyễn Đức Phương

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

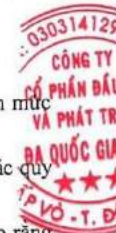
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 02 năm 2024

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**LÊ VĂN CANH**



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số : 334 /BCKT/TC/2024/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Phó Tổng Giám đốc**  
  
**Lê Văn Tuấn**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2023-142-1

**Kiểm toán viên**

**Đặng Tùng Hưng**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3611-2021-142-1



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.537.285.855.129</b>	<b>5.449.762.497.936</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.112.379.542.714	640.790.543.399
111	1. Tiền		317.879.542.714	352.490.543.399
112	2. Các khoản tương đương tiền		794.500.000.000	288.300.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	V.02	<b>663.675.624.494</b>	<b>681.061.210.467</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		663.675.624.494	681.061.210.467
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.151.311.894.741</b>	<b>2.549.814.119.959</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	1.285.570.982.375	1.396.041.943.918
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		820.124.422.378	1.099.781.816.700
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.05	102.461.588.328	110.907.979.281
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.06	(56.845.098.340)	(56.917.619.940)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.07	<b>1.571.797.393.210</b>	<b>1.535.483.350.524</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.572.104.514.105	1.535.790.471.419
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(307.120.895)	(307.120.895)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>38.121.399.970</b>	<b>42.613.273.587</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.13	2.106.032.705	2.248.358.236
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		36.015.367.265	40.362.605.956
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17		2.309.395
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.740.162.407.014</b>	<b>2.634.345.839.921</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>461.442.979.835</b>	<b>354.764.339.835</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	V.04	457.200.000.000	334.400.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.05	4.242.979.835	20.364.339.835
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>909.002.530.259</b>	<b>1.000.208.317.841</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.09	655.079.812.067	617.922.499.071
222	- Nguyên giá		1.352.257.228.958	1.182.867.397.600
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(697.177.416.891)	(564.944.898.529)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.10	107.653.295.457	231.594.347.254
225	- Nguyên giá		159.697.752.367	313.607.496.533
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(52.044.456.910)	(82.013.149.279)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	146.269.422.735	150.691.471.516
228	- Nguyên giá		174.725.981.651	175.550.864.651
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(28.456.558.916)	(24.859.393.135)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.12</b>	<b>252.801.450.233</b>	<b>261.507.506.045</b>
231	- Nguyên giá		323.234.235.576	323.234.235.576
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(70.432.785.343)	(61.726.729.531)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>V.08</b>	<b>574.952.932.200</b>	<b>584.553.470.377</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		574.952.932.200	584.553.470.377
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>248.827.581.111</b>	<b>113.310.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		245.517.581.111	
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.310.000.000	113.310.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>293.134.933.376</b>	<b>320.002.205.823</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.13	9.570.771.554	3.077.554.373
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.14	283.564.161.822	316.924.651.450
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>8.277.448.262.143</b>	<b>8.084.108.337.857</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND	
				Số đầu năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.855.891.649.068</b>	<b>4.717.688.380.686</b>	
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.530.157.213.272</b>	<b>4.524.450.045.218</b>	
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	216.486.725.129	374.513.815.731	
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		108.568.775.730	140.131.403.033	
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	35.947.977.860	62.186.692.907	
314	4. Phải trả người lao động		22.628.950.610	29.346.329.835	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	1.340.020.397	1.636.007.346	
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn				
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng				
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20		105.929.192	
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	35.199.713.551	22.531.480.197	
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15	4.090.462.799.775	3.881.490.463.100	
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.21	2.022.226.343		
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.500.023.877	12.508.523.877	
323	13. Quỹ bình ổn giá				
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ				
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>325.734.435.796</b>	<b>193.237.735.468</b>	
331	1. Phải trả người bán dài hạn				
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn				
333	3. Chi phí phải trả dài hạn				
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh				
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn				
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn				
337	7. Phải trả dài hạn khác				
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15	325.734.435.796	193.237.735.468	
339	9. Trái phiếu chuyển đổi				
340	10. Cổ phiếu ưu đãi				
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn				
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>3.421.556.613.075</b>	<b>3.366.419.957.171</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>V.22</b>	<b>3.411.293.227.975</b>	<b>3.356.156.572.071</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.060.700.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		196.813.460.000	196.813.460.000
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		67.644.983.670	55.479.155.557
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		10.714.897.031	8.549.068.918
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		10.714.897.031	8.549.068.918
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		657.853.134.910	621.485.064.349
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		600.087.187.791	74.129.402.260
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		57.765.947.119	547.355.662.089
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		174.045.075.333	171.773.974.329
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>V.23</b>	<b>10.263.385.100</b>	<b>10.263.385.100</b>
431	1. Nguồn kinh phí		10.263.385.100	10.263.385.100
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>8.277.448.262.143</b>	<b>8.084.108.337.857</b>

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

VŨ THỊ LỆ

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

Tổng Giám đốc

LE VAN CANH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
				Đơn vị tính: VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	7.224.145.254.447	7.936.928.513.112
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	2.905.765.506	6.404.304.645
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.221.239.488.941	7.930.524.208.467
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	6.696.637.582.772	6.835.567.554.995
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		524.601.906.169	1.094.956.653.472
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	217.555.237.409	167.318.537.259
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	411.680.687.185	307.601.671.877
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		362.135.007.028	233.160.673.966
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06.01	131.904.565.161	307.901.991.808
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06.02	89.803.602.061	60.985.184.872
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		108.768.289.171	585.786.342.174
31	11. Thu nhập khác	VI.07	13.097.504.488	38.859.099.335
32	12. Chi phí khác	VI.08	14.695.356.964	6.772.514.702
40	13. Lợi nhuận khác		(1.597.852.476)	32.086.584.633
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		107.170.436.695	617.872.926.807
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	33.816.261.430	54.592.562.757
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11		133.925.441
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		73.354.175.265	563.146.438.609
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		57.765.947.119	547.355.662.089
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		15.588.228.146	15.790.776.520
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	254	2.382
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	254	2.382

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

  
**VŨ THỊ LỆ**

Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG**

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

  
**LÊ VĂN CẢNH**

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>01</b>	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>107.170.436.695</b>	<b>617.872.926.807</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		148.747.397.049	118.782.143.956
03	- Các khoản dự phòng		(72.521.600)	307.120.895
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(17.539.509.907)	9.372.869.007
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(175.582.438.415)	(139.454.780.525)
06	- Chi phí lãi vay		362.135.007.028	233.160.673.966
07	- Các khoản điều chỉnh khác			
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>424.858.370.850</b>	<b>840.040.954.106</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		423.880.412.635	11.733.249.705
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(86.576.880.033)	(238.507.819.014)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(185.471.357.388)	133.218.431.429
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(6.504.511.653)	24.336.707.159
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(350.902.970.142)	(232.238.842.134)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(46.391.978.387)	(10.747.527.598)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			2.633.363.900
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.500.000)	
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>172.882.585.882</b>	<b>530.468.517.553</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.089.373.624)	(261.830.776.446)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		4.817.523.653	291.387.284.605
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.339.620.000.000)	(2.753.601.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.344.205.585.973	2.934.930.824.708
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(245.517.581.111)	(392.056.472.222)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.308.973.891	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		164.587.831.197	122.052.383.339
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(41.307.040.021)</b>	<b>(59.117.756.016)</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm 2023

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		9.019.461.007.283	8.381.427.579.785
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(8.631.172.966.447)	(8.213.660.621.575)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(39.878.013.079)	(57.369.878.708)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.198.313.674)	(333.293.876.045)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>340.211.714.083</b>	<b>(222.896.796.543)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>471.787.259.944</b>	<b>248.453.964.994</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>640.790.543.399</b>	<b>387.842.116.684</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(198.260.629)	4.494.461.721
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>1.112.379.542.714</b>	<b>640.790.543.399</b>

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
VŨ THỊ LỆ

  
NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

  
LÊ VĂN CANH

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và đến nay, công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15 tháng 05 năm 2023.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2023 là: **2.276.446.080.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

**3. Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2023 là: 1.902 người (số lao động tại ngày 01/01/2023 là: 1.946 người)**

**4. Ngành nghề kinh doanh**

Chế biến thủy hải sản (Mã 1020). Mua bán thủy hải sản (Mã 4632). Kinh doanh khách sạn (Mã 5510). Mua bán vật liệu xây dựng (Mã 4663). Mua bán hàng trang trí nội thất (Mã 4649). Nuôi trồng thủy sản (Mã 0322). Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản (Mã 1080). Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản); kinh doanh nhà (Mã 6810). Sản xuất nước đóng chai (Mã 1104). Sản xuất bao bì giấy - nhựa (Mã 1702, 2220). Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật (Mã 1040). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã 0810). Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Mã 5210). Bốc xếp hàng hóa cảng biển (Mã 5224). Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới (Mã 4933, 5022). Kinh doanh thuốc thú y thủy sản (Mã 4669). Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (Mã 4101, 4102, 4293, 4212). Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác (Mã 4659). Sản xuất điện (Mã 3511).

**5. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**

**6. Cấu trúc Công ty**

**Công ty con:**

- Tổng số các Công ty con : 03
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 03
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

**- Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cp ĐT Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%	79,25%	79,25%
+ Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư Tài Chính (*)	326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang	0%	72,80%	0%	75,35%
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh An Đắk Nông	Số 1, Tiểu khu 834, Cụm Ba Tầng, X. Ea Pô, H. Cư Jút, Đắk Nông	97,50%	97,50%	97,50%	97,50%

(\*) Công ty đã tiến hành thoái vốn khỏi công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài Chính từ ngày 08/12/2023 theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 08/12/2023; và theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I số 1205/BB-HĐQT-2023 ngày 05/12/2023

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị tính: VND

### **II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1 . Chế độ kế toán:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

#### **2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

##### **a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm**

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### **b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

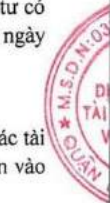
- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I****Báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị tính: VND

**6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư:**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

**7 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

**8 . Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

**9 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**10 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

**11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**12 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**13 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**14 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phân ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**- Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**- Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

**17 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**18 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

**21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Chi phí lãi vay không được khấu trừ**

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại Nghị định này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được trừ này do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm này.

**22 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **23 . Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### **24 . Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **25 . Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

### **26 . Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

#### **a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu**

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

#### Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

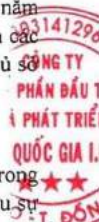
Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

#### Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;





**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

*Đơn vị tính: VND*

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

### Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chi tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

### Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chi tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

### **b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chi tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chi tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

## **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

### **01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.783.792.635	2.596.149.044
Tiền gửi không kỳ hạn	316.095.750.079	349.894.394.355
Các khoản tương đương tiền	794.500.000.000	288.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	794.500.000.000	288.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.112.379.542.714</b>	<b>640.790.543.399</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

- a) Chứng khoán kinh doanh: Không có
- b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b1) Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	663.675.624.494	663.675.624.494	681.061.210.467	681.061.210.467
<b>b2) Dài hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	3.310.000.000	3.310.000.000	113.310.000.000	113.310.000.000
- Trái phiếu (*)	3.310.000.000	3.310.000.000	110.000.000.000	110.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>666.985.624.494</b>	<b>666.985.624.494</b>	<b>794.371.210.467</b>	<b>794.371.210.467</b>

(\*) Trái phiếu (TP) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, số lượng: 131 TP, mệnh giá: 10.000.000 đồng/TP; 2 TP, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/TP; Lãi suất, kỳ hạn, ngày phát hành, ngày đáo hạn, phương thức trả lãi được quy định rõ trong từng Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
+ Cty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An (**)	245.517.581.111			
<b>Cộng</b>	<b>245.517.581.111</b>			

(\*\*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 620/NQ-HĐQT-2023 ngày 20/06/2023, Biên bản họp HĐQT ngày 20/06/2023 và Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 26/06/2023; Số lượng cổ phiếu mua bán: 5.700.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu; Do công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**a) Ngắn hạn**

**Bên khác**

+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu

+ Công ty CP Dầu cá Châu Á

+ Công ty Cổ phần Xuất Khẩu Thủy Hải Sản Sạch

+ Đối tượng khác

**Bên liên quan**

+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed

**b) Dài hạn**

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
1.285.570.982.375	1.396.041.943.918
1.278.739.977.375	1.395.962.847.565
105.954.719.817	135.924.719.817
241.914.818.941	354.337.434.358
101.185.453.660	189.865.317.660
829.684.984.957	715.835.375.735
6.831.005.000	79.096.353
	79.096.353
6.831.005.000	
<b>1.285.570.982.375</b>	<b>1.396.041.943.918</b>

**04 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

**Dài hạn**

**Bên liên quan**

+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
457.200.000.000	334.400.000.000
457.200.000.000	334.400.000.000
457.200.000.000	334.400.000.000
<b>457.200.000.000</b>	<b>334.400.000.000</b>

**Ghi chú:**

Hợp đồng vay vốn số 05.2021HĐCVV/2022 ngày 04/01/2022 và Phụ lục HĐ số 06.2021PLCVV/2022, ngày 20/09/2022, thời hạn cho vay trên 12 tháng, lãi suất thay đổi tùy thuộc vào từng thời điểm. Và theo hợp đồng cho vay số 01.HĐCVV/2022 ngày 03/01/2022 và phụ lục số 01 ngày 01/11/2022, thời hạn cho vay trên 12 tháng, lãi suất áp dụng 10%/năm.

**05 . PHẢI THU KHÁC**

**a) Ngắn hạn**

Tạm ứng

Ký cược, ký quỹ

Phải thu khác

**Bên khác**

+ Cty CTTC TNHH MTV

NHTMCP Công Thương VN

+ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp -

hoàn thuế

+ Lãi tiền gửi dự thu

+ Đối tượng khác

**b) Dài hạn**

Ký cược, ký quỹ

**Cộng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gia trị	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng
102.461.588.328	(528.000.000)	110.907.979.281	(528.000.000)	
63.785.769.570		69.155.692.117		
3.830.700.000				
34.845.118.758	(528.000.000)	41.752.287.164	(528.000.000)	
<b>34.845.118.758</b>		<b>41.752.287.164</b>		
3.540.447.677		6.414.221.939		
18.465.382.177		9.765.382.177		
9.715.036.348				
3.124.252.556	(528.000.000)	25.572.683.048	(528.000.000)	
<b>4.242.979.835</b>		<b>20.364.339.835</b>		
4.242.979.835		20.364.339.835		
<b>106.704.568.163</b>	<b>(528.000.000)</b>	<b>131.272.319.116</b>	<b>(528.000.000)</b>	

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**06 . NỢ XẤU**

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	9.467.468.250		9.467.468.250	
+ Alfredo Foods	9.073.064.061		9.073.064.061	
+ Alliance Seafood Group	9.107.273.406		9.107.273.406	
+ Lapson International Trading Ltd	6.885.734.871		6.885.734.871	
+ Sarl Globe Alliance	7.104.351.914		7.104.351.914	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.554.141.866		6.554.141.866	
+ Đối tượng khác	8.653.063.972		8.725.585.572	
<b>Cộng</b>	<b>56.845.098.340</b>		<b>56.917.619.940</b>	

**07 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.586.655.519		10.143.079.034	
- Công cụ, dụng cụ	641.893.377		665.060.379	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.384.056.811		50.537.925.079	
- Thành phẩm	1.050.662.821.889	(307.120.895)	1.052.784.387.942	(307.120.895)
- Hàng hóa	479.973.190.785		407.923.846.914	
- Hàng gửi đi bán	5.855.895.724		13.736.172.071	
<b>Cộng</b>	<b>1.572.104.514.105</b>	<b>(307.120.895)</b>	<b>1.535.790.471.419</b>	<b>(307.120.895)</b>

**Ghi chú:**

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 1.490.697.864.040 VND.
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá gốc của thành phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày cuối năm

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**08 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Mua sắm</b>	<b>14.778.209.810</b>	<b>16.713.024.794</b>
+ <i>Kho lạnh 04</i>	14.321.499.813	14.308.913.450
+ <i>Khác</i>	456.709.997	2.404.111.344
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>560.174.722.390</b>	<b>567.840.445.583</b>
+ <i>Kho lạnh số 04</i>	142.935.148.514	140.231.690.879
+ <i>Khu đô thị Bình Long</i>	401.317.925.000	401.317.925.000
+ <i>Dự án bột nôm</i>		10.116.986.563
+ <i>Máy ly tâm</i>	4.452.987.885	
+ <i>Chi phí bồi hoàn đất huyện Cư Jut</i>	3.701.429.867	
+ <i>Công trình khác</i>	7.767.231.124	16.173.843.141
<b>Cộng</b>	<b>574.952.932.200</b>	<b>584.553.470.377</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL-80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**09 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	530.541.761.161	601.943.442.645	33.237.040.055	2.823.629.498	14.321.524.241	1.182.867.397.600
2. Số tăng trong năm	3.843.595.051	166.065.823.071		905.361.102	481.818.182	171.296.597.406
- Mua trong năm		350.865.000				1.738.044.284
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.843.595.051	11.755.213.905		905.361.102	481.818.182	15.598.808.956
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		153.959.744.166				153.959.744.166
3. Số giảm trong năm	1.178.807.600	217.909.091	510.049.357			1.906.766.048
- Nhượng bán, thanh lý	1.178.807.600		510.049.357			1.688.856.957
- Giảm khác		217.909.091				217.909.091
4. Số dư cuối năm	533.206.548.612	767.791.356.625	32.726.990.698	3.728.990.600	14.803.342.423	1.352.257.228.958
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	140.502.263.746	384.118.522.438	30.574.525.993	1.781.302.395	7.968.283.957	564.944.898.529
2. Khấu hao trong năm	24.995.833.906	106.177.081.858	876.120.575	289.863.857	713.478.001	133.052.378.197
- Khấu hao trong năm	24.995.833.906	43.330.603.009	876.120.575	289.863.857	713.478.001	70.205.899.348
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính		62.846.478.849				62.846.478.849
3. Giảm trong năm	208.255.974	101.554.504	510.049.357			819.859.835
- Thanh lý, nhượng bán	208.255.974		510.049.357			718.305.331
- Giảm khác		101.554.504				101.554.504
4. Số dư cuối năm	165.289.841.678	490.194.049.792	30.940.597.211	2.071.166.252	8.681.761.958	697.177.416.891
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	390.039.497.415	217.824.920.207	2.662.514.062	1.042.327.103	6.353.240.284	617.922.499.071
2. Tại ngày cuối năm	367.916.706.934	277.597.306.833	1.786.393.487	1.657.824.348	6.121.580.465	655.079.812.067

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 392.684.675.739 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 324.699.732.965 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND



Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ vô hình	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						<b>313.607.496.533</b>
<b>1. Số dư đầu năm</b>	11.070.071.709	285.441.527.812	17.095.897.012			
<b>2. Số tăng trong năm</b>						
- Thuế tài chính trong năm						
- Thanh lý tài sản thuế tài chính		153.909.744.166				153.909.744.166
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính		153.909.744.166				153.909.744.166
<b>4. Số dư cuối năm</b>	11.070.071.709	131.531.783.646	17.095.897.012			159.697.752.367
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	2.376.858.627	75.329.939.330	4.306.351.322			82.013.149.279
<b>2. Khấu hao trong năm</b>	2.592.936.684	27.798.539.580	2.486.310.216			32.877.786.480
- Khấu hao trong năm	2.592.936.684	27.798.539.580	2.486.310.216			32.877.786.480
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính						
<b>3. Giảm trong năm</b>						
- Trả lại TSCĐ thuế tài chính		62.846.478.849				62.846.478.849
		62.846.478.849				62.846.478.849
<b>4. Số dư cuối năm</b>	4.969.795.311	40.282.000.061	6.792.661.538			52.044.456.910
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	8.693.213.082	210.111.588.482	12.789.545.690			231.594.347.254
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	6.100.276.398	91.249.783.585	10.303.235.474			107.653.295.457

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 8.240.741.313 VND

- Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm: Các hợp đồng thuế tài chính

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng



Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	174.765.864.651			785.000.000	175.550.864.651
2. Số tăng trong năm	1.505.467.000				1.505.467.000
- Mua trong năm	1.505.467.000				1.505.467.000
- Tăng khác					
3. Số giảm trong năm	2.330.350.000				2.330.350.000
- Thanh lý, nhượng bán	2.330.350.000				2.330.350.000
4. Số dư cuối năm	173.940.981.651			785.000.000	174.725.981.651
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
1. Số dư đầu năm	24.082.107.696			777.285.439	24.859.393.135
2. Khấu hao trong năm	3.589.451.220			7.714.561	3.597.165.781
- Khấu hao trong năm	3.589.451.220			7.714.561	3.597.165.781
- Tăng khác					
3. Giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
4. Số dư cuối năm	27.671.558.916			785.000.000	28.456.558.916
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	150.683.756.955			7.714.561	150.691.471.516
2. Tại ngày cuối năm	146.269.422.735				146.269.422.735

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 145.970.351.135 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 785.000.000 VND





**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

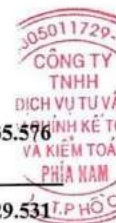
Đơn vị tính: VND

**12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>173.409.054.479</b>	<b>149.825.181.097</b>		<b>323.234.235.576</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>				
- Mua trong năm				
- Đầu tư XD/CB hoàn thành				
- Tăng khác				
<b>3. Số giảm trong năm</b>				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>173.409.054.479</b>	<b>149.825.181.097</b>		<b>323.234.235.576</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>58.591.628.953</b>	<b>3.135.100.578</b>		<b>61.726.729.531</b>
<b>2. Khấu hao trong năm</b>	<b>8.313.843.960</b>	<b>392.211.852</b>		<b>8.706.055.812</b>
- Khấu hao trong năm	8.313.843.960	392.211.852		8.706.055.812
- Tăng khác				
<b>3. Giảm trong năm</b>				
- Thanh lý, nhượng bán				
- Giảm khác				
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>66.905.472.913</b>	<b>3.527.312.430</b>		<b>70.432.785.343</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>114.817.425.526</b>	<b>146.690.080.519</b>		<b>261.507.506.045</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>106.503.581.566</b>	<b>146.297.868.667</b>		<b>252.801.450.233</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 207.535.277.257 VND

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 10.744.100.207 VND



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đông Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>2.106.032.705</b>	<b>2.248.358.236</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	573.397.115	984.501.317
Các khoản khác	1.532.635.590	1.263.856.919
b) <b>Dài hạn</b>	<b>9.570.771.554</b>	<b>3.077.554.373</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.981.237.454	855.578.837
Các khoản khác	6.589.534.100	2.221.975.536
<b>Cộng</b>	<b>11.676.804.259</b>	<b>5.325.912.609</b>

**14. LỢI THẾ THUƠNG MẠI**

Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	<b>283.564.161.822</b>	<b>316.924.651.450</b>
<b>Cộng</b>	<b>283.564.161.822</b>	<b>316.924.651.450</b>

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) <b>Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	4.090.462.799.775	4.090.462.799.775	8.911.781.195.279	8.688.657.578.604	3.867.339.183.100	3.867.339.183.100

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Ích Khiêm	128.069.787.500	149.480.113.871
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Sa Đéc	59.299.600.000	73.446.945.000
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Kiên Giang	1.590.048.375.622	1.483.248.250.282
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	200.769.151.500	200.023.018.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bến Nghé	380.020.044.900	352.336.319.400
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	143.046.447.771	143.046.447.771



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thạnh, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo)**

Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP.HCM  
 CTBC Bank Co., Ltd, HoChiMinh City Branch  
 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Đồng Tháp  
 PGD Rạch Dừa- CN Vũng Tàu NH TMCP Phát Triển Tp. Hồ Chí Minh  
 Ngân Hàng TNHH INDOVINA- Chi nhánh Đồng Nai  
 Ngân Hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex - CN An Giang.  
 Bank Sinopac Ho Chi Minh City Branch  
 Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN An Giang.  
 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh An Giang  
 Ngân Hàng Woori Bank  
 Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)  
 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Đồng Tháp  
**FIRST COMMERCIAL BANK - HO CHI MINH CITY BRANCH**  
 Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Cần Thơ  
 Ngân hàng TMCP Nam Á Cần Thơ  
 Vay cá nhân

**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
167.641.275.800	159.352.169.200
58.354.993.943	54.714.117.000
350.090.076.629	239.323.185.250
179.055.186.540	170.729.779.195
21.000.000.000	22.297.510.200
48.000.000.000	44.738.721.000
48.013.000.000	
164.436.698.574	137.895.735.000
181.724.435.000	544.153.501.431
164.997.998.800	
48.108.913.600	
29.979.512.000	29.875.870.000
90.776.990.000	
4.937.000.000	
12.210.000.000	41.527.500.000
34.850.000.000	21.150.000.000
<b>4.090.462.799.775</b>	<b>3.867.339.183.100</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Vay dài hạn**

	Trong năm			Số đầu năm
	Số cuối năm	Tăng	Giảm	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	274.817.522.000	200.000.000.000	38.258.000.000	113.075.522.000
<b>Cộng</b>	<b>274.817.522.000</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>38.258.000.000</b>	<b>113.075.522.000</b>

**Chi tiết các khoản vay dài hạn**

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh An Giang  
First Commercial Bank - Ho Chi Minh City Branch  
**Cộng**

Số cuối năm	Số đầu năm
74.817.522.000	113.075.522.000
200.000.000.000	
<b>274.817.522.000</b>	<b>113.075.522.000</b>

**c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Năm 2023			Năm 2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	11.875.555.735	11.260.657.219	614.898.516	27.673.208.853	2.627.423.879	25.045.784.974
Trên 1 năm đến 5 năm	36.243.198.657	28.617.355.860	7.625.842.797	40.829.228.311	8.505.134.577	32.324.093.734
<b>Cộng</b>	<b>48.118.754.392</b>	<b>39.878.013.079</b>	<b>8.240.741.313</b>	<b>68.502.437.164</b>	<b>11.132.558.456</b>	<b>57.369.878.708</b>



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thành, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**d) Giá trị nợ thuế tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
<b>Ngắn hạn</b>			<b>14.151.280.000</b>	<b>14.151.280.000</b>
Gốc nợ thuế tài chính			14.151.280.000	14.151.280.000
Lãi thuế tài chính phải trả				
<b>Dài hạn</b>			<b>80.162.213.468</b>	<b>80.162.213.468</b>
Gốc nợ thuế tài chính	50.916.913.796	50.916.913.796	80.162.213.468	80.162.213.468
Lãi thuế tài chính phải trả	50.916.913.796	50.916.913.796	80.162.213.468	80.162.213.468
<b>Cộng</b>	<b>50.916.913.796</b>	<b>50.916.913.796</b>	<b>94.313.493.468</b>	<b>94.313.493.468</b>

d) Số vay và nợ thuế tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

e) Các khoản vay và nợ thuế tài chính đối với các bên liên quan: không có

f) Trái phiếu thương: không có

g) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ: Không có



Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Đ/c: QL 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2023:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Á Châu CN Ông Ích Khiêm	OIK.DN.3757220.523 ngày 25/05/2023		130.000.000.000	5.245.000	128.069.787.500	9	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tài sản khác
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Kiên Giang	01/2023/4426663/HĐ TD ngày 08/08/2023		1.900.000.000.000		1.328.739.615.872	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
				10.701.700					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	01/2023/4426663/HĐ TD ngày 08/08/2023		200.000.000.000		126.828.078.000	8	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Hàng tồn kho của công ty, Tiền gửi và tài sản khác
				3.028.200					
Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	FCA-000659-2022 ngày 20/12/22	3.500.000	81.200.000.000		81.000.000.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tiền gửi
Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh TP.HCM	FAGSTF/2018-005APP5 ngày 08/09/2023	7.000.000	162.400.000.000		167.641.275.800	9	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	QSDD của công ty
CTBC Bank Co., Ltd, HoChiMinh City Branch	STVN1139-16	1.500.000			32.850.000.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tiền gửi



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Đ/c: QL 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Năm 2023

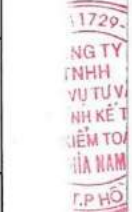
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2023:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VNĐ)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP công thương Đồng Tháp	397/2023/HDCVHM/NHCT720-IDI ngày 26/12/2023		400.000.000.000		81.350.124.546	8	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tài sản khác
		8.756.683			213.816.310.083	8			
Ngân hàng Phát Triển Thành Phố HCM - CN Vũng Tàu	29752/23MN/HDTD ngày 07/11/2023		400.000.000.000		147.606.562.040	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tài sản khác
Ngân Hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Đồng Nai	IVB-DN/CL/0322/032/DC I ngày 26/06/2023	3.000.000			21.000.000.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tài sản khác
Ngân Hàng Xăng Dầu Petrolimex CN An Giang.	540.0027/2023/HDT DHM-DN/PGBANKAG ngày 06/03/2023		150.000.000.000		48.000.000.000	8	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tài sản khác
Ngân hàng Tiên Phong CN An Giang.	653/2022/HDTD/AG G ngày 16/01/2023		200.000.000.000		164.436.698.574	9	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tài sản khác
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN An Giang	BCLC-1458-HDHM ngày 29/12/2023		1.000.000.000.000		171.067.635.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	QSDĐ và Tài sản khác
Bank Sinopac Ho Chi Minh City Branch	231023 ngày 08/06/2023	2.000.000			48.013.000.000	6	Theo từng kế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Triển gửi



**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm 2023

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
Đ/c: QL 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2023:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
First Comercial Bank - Ho Chi Minh City Branch	TRLBTDUS-H30230080 ngày 06/10/2023	6.000.000			90.776.990.000	12	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tài sản khác
Ngân Hàng Woori Bank HaNam Branch	VN123007736/2023-HDCVHM/WB VN30 3 ngày 20/09/2023		100.000.000.000		99.997.998.800	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tiền gửi
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	UOB/HCMC/CMB/73 92/002 ngày 29/09/2023	2.000.000			48.108.913.600	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sxkd	Tiền gửi
Đối tượng khác	Từng hợp đồng cụ thể				34.850.000.000	24	Theo từng hợp đồng cụ thể	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Vay của cá nhân
Ngân hàng TMCP Á Châu	SDE.DN.1617.230523		73.300.000.000		59.299.600.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	125/2023/HDHM/CIB		250.000.000.000		10.656.800.000	5	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản và cổ phiếu bên thứ 3
Ngân hàng TNHH CTBC	AC8-STVN1140-16	1.000.000			25.504.993.943	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền
Ngân hàng BPCE	FCA-000601-2024	3.500.000			47.079.759.367	5	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Ký quỹ tiền



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Đ/c: QL 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2023:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VNĐ)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng HD Bank	37243/22MN/HETD		90.000.000.000		31.448.624.500	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Nam Á	0569/2021/603-CV		100.000.000.000	500.000	12.210.000.000	5	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Cổ phiếu bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	105/2022-HĐCVHM/NHCT720-TRISEDCO		55.000.000.000		54.923.642.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Trái phiếu và Bất động sản bên thứ 3
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	75/2023/VCB.ĐT-CRC		30.000.000.000		29.979.512.000	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	01/2024/4956478/HĐTD		400.000.000.000		380.020.044.900	6	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi + Bất động sản
Ngân hàng WOORI	VN123002861/WBV N303		75.000.000.000		65.000.000.000	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Bất động sản bên thứ 3
Ngân hàng MSB	1064617/2023/HĐTD /TRISEDCO		70.000.000.000		4.937.000.000	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh	Tiền gửi
<b>Tổng ngắn hạn</b>		<b>29.500.000</b>	<b>5.966.900.000.000</b>	<b>28.231.583</b>	<b>4.090.462.799.775</b>				



Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Đ/c: QL 80, Cụm CN Vàm Cống, X. Bình Chánh, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2023:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Thang)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh An Giang	AGG/19050 ngày 05/12/2019		329.514.722.000		74.817.522.000	72	Theo từng kế ước nhận nợ	TT tiền chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền trên đất	Thế chấp đất và TS gắn liền trên đất
First Commercial Bank - Ho Chi Minh City Branch	MLBTDS-H10230079 ngày 06/10/2023		200.000.000.000		200.000.000.000	60	Theo từng kế ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài Sản khác
<b>Tổng dài hạn</b>			<b>529.514.722.000</b>		<b>274.817.522.000</b>				



Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I  
Đ/c: QL.80, Cụm CN Vàm Cống, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, Đồng Tháp

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiết các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính 2023:

Bên cho vay	Hợp đồng/Khế ước	Hạn mức/Số tiền vay (VND)		Dư nợ vay		Thời hạn vay (Tháng)	Lãi suất(%)	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
		USD	VND	USD	VND				
Công ty cho thuê TC TNHH MTV NH TMCP Công Thương Việt Nam _CN TP	95/2020/CN.MN-CTTC ngày 27/11/2020		24.943.333.320		10.307.883.228	60	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
	91/2021/CN.Mn-CTTC ngày 27/12/2021		31.051.892.611		15.591.899.974	60	Theo từng khế ước nhận nợ	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
Công ty CTTC VIETNBANKLEASING	72/2019/CN.MN-CTTC		49.262.765.960		10.186.485.000	63	10,50%	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
	105/2021/CN.MN-CTTC		35.327.814.667		7.575.757.583	36	10,50%	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
Công ty CTTC CHAILEASE LEASING	C2201170C2		8.634.655.933		4.490.021.077	50	7,71%	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
	C2211008C2		4.915.319.000		2.764.866.934	32	8,19%	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Ký cược
<b>Thuê mua tài chính</b>			<b>154.135.781.491</b>		<b>50.916.913.796</b>				



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H. Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	216.486.725.129	216.486.725.129	374.513.815.731	374.513.815.731
<b>Bên khác</b>	<b>216.486.725.129</b>	<b>216.486.725.129</b>	<b>374.513.815.731</b>	<b>374.513.815.731</b>
+ Công ty TNHH MTV KD & DT Toàn Cầu	46.213.547.000	46.213.547.000		
+ Công ty CP Xuất khẩu Hải Sản Sạch	11.006.530.179	11.006.530.179	166.738.481.952	166.738.481.952
+ Công ty TNHH MTV Tiếp Vận và Thương Mại Ocean Ship	9.178.810.509	9.178.810.509	52.544.744.081	52.544.744.081
+ Công Ty Cổ Phần Bao Bì Bình Đức	5.076.815.400	5.076.815.400	17.349.907.212	17.349.907.212
+ Phải trả cho các đối tượng khác	145.011.022.041	145.011.022.041	137.880.682.486	137.880.682.486
<b>Bên liên quan</b>				
b) Dài hạn				
<b>Cộng</b>	<b>216.486.725.129</b>	<b>216.486.725.129</b>	<b>374.513.815.731</b>	<b>374.513.815.731</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	135.464.930	553.262.721	447.528.875	29.731.084
Thuế TNDN - hoạt động SXKD chính (*)	35.071.487.522	33.683.397.509	51.266.345.956	52.654.435.969
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	566.257.408	4.823.814.615	4.823.814.615	
Thuế thu nhập cá nhân	174.768.000	1.269.268.346	9.970.528.792	9.267.517.854
Thuế tài nguyên		253.456.000	313.696.000	235.008.000
Thuế khác		2.137.797.086	2.137.797.086	
<b>Cộng</b>	<b>35.947.977.860</b>	<b>42.720.996.277</b>	<b>68.959.711.324</b>	<b>62.186.692.907</b>

41



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC (tiếp theo)**

**b) Phải thu**

Số cuối năm	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	Số đầu năm
		2.309.395	2.309.395
		<b>2.309.395</b>	<b>2.309.395</b>

**Thuế GTGT**

**Cộng**

Ghi chú: (\*) Chi phí thuế TNDN thực nộp trong năm bao gồm: chuyển khoản 37.822.664.995 đồng và nộp bằng cán trừ tiền hoàn thuế GTGT trong năm với số tiền là 4.865.125.981 đồng theo QĐ số 162/QĐ-CTDTH-KDT ngày 11/08/2023.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

Năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.340.020.397</b>	<b>1.636.007.346</b>
Trích trước chi phí lãi vay	1.340.020.397	1.466.392.125
Trích trước giá vốn		169.715.221
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>1.340.020.397</b>	<b>1.636.007.346</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>35.199.713.551</b>	<b>22.531.480.197</b>
Kinh phí công đoàn	1.220.605.231	1.995.819.329
Bảo hiểm y tế	208.845.250	264.109.750
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.212.221.960	6.696.577.860
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.100.681.000	1.110.719.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.457.360.110	12.464.254.258
<b>Bên khác</b>	<b>19.380.471.110</b>	<b>12.464.254.258</b>
+ Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Và Đầu Tư Tài Chính		1.162.175.000
+ Phải trả khác	19.380.471.110	11.302.079.258
<b>Bên liên quan</b>	<b>7.076.889.000</b>	
+ Công ty Cp Tập đoàn Sao Mai	7.076.889.000	
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>35.199.713.551</b>	<b>22.531.480.197</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		<b>105.929.192</b>
Doanh thu nhận trước		105.929.192
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>		<b>105.929.192</b>

**21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.022.226.343</b>	
Dự phòng phải trả tiền lương	2.022.226.343	
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>2.022.226.343</b>	

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

**22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

**22 . I. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của CSH	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>2.276.446.080.000</b>	<b>62.649.640.000</b>	<b>17.060.700.000</b>	<b>64.577.293.393</b>	<b>559.760.134.260</b>	<b>154.484.439.451</b>	<b>3.134.978.287.104</b>
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước					547.355.662.089	15.790.776.520	563.146.438.609
Tăng do trích lập từ lợi nhuận					(134.163.820.000)		
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		134.163.820.000					
Tăng khác						1.498.758.358	1.498.758.358
Trích quỹ từ lợi nhuận				8.000.000.000	(10.000.000.000)		(2.000.000.000)
Chia cổ tức					(341.466.912.000)		(341.466.912.000)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>2.276.446.080.000</b>	<b>196.813.460.000</b>	<b>17.060.700.000</b>	<b>72.577.293.393</b>	<b>621.485.064.349</b>	<b>171.773.974.329</b>	<b>3.356.156.572.071</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>2.276.446.080.000</b>	<b>196.813.460.000</b>	<b>17.060.700.000</b>	<b>72.577.293.393</b>	<b>621.485.064.349</b>	<b>171.773.974.329</b>	<b>3.356.156.572.071</b>
Lãi trong năm này					57.765.947.119	15.588.228.146	73.354.175.265
Tăng do trích từ lợi nhuận				16.497.484.339			16.497.484.339
Trích quỹ từ lợi nhuận					(21.497.484.339)		(21.497.484.339)
Tăng khác					178.332.232	52.384.642	230.716.874
Giảm từ thoái vốn công ty con						(13.350.383.282)	(13.350.383.282)
Giảm khác					(78.724.451)	(19.128.502)	(97.852.953)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.276.446.080.000</b>	<b>196.813.460.000</b>	<b>17.060.700.000</b>	<b>89.074.777.732</b>	<b>657.853.134.910</b>	<b>174.045.075.333</b>	<b>3.411.293.227.975</b>

(\*) Xem thuyết minh V.22.5: Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

22. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ %	Số đầu năm	Tỷ lệ %
Vốn góp của công ty mẹ	1.166.124.310.000	51,23%	1.166.124.310.000	51,23%
- Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai	1.166.124.310.000	51,23%	1.166.124.310.000	51,23%
Vốn góp của các đối tượng khác	1.110.321.770.000	48,77%	1.110.321.770.000	48,77%
<b>Cộng</b>	<b>2.276.446.080.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.276.446.080.000</b>	<b>100,00%</b>

## 22. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
- Vốn góp tăng trong năm		
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	2.276.446.080.000	2.276.446.080.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		341.466.912.000

## 22. 4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	227.644.608	227.644.608
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu phổ thông	227.644.608	227.644.608
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	227.644.608	227.644.608
- Cổ phiếu phổ thông	227.644.608	227.644.608

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

## 22. 5. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	67.644.983.670	55.479.155.557
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	10.714.897.031	8.549.068.918
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.714.897.031	8.549.068.918
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.500.023.877	12.508.523.877

## 23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

c) Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dollar Mỹ (USD)	1.937.549,39	3.450.597,41
- Bảng Anh (EUR)	822,70	1.553,04
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	22.947,60	13.834,60
- Baht Thái Lan (THB)	5.150,00	
- Singapore (SGD)	4.277,00	

## 24. NGUỒN KINH PHÍ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	10.263.385.100	10.263.385.100

Đây là nguồn kinh phí Bộ KH và CN cấp cho Công ty để thực hiện dự án "Hoàn thiện công nghệ và thiết bị sản xuất bột cá và bột nôm từ phụ phẩm cá tra".



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL. 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****01. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.896.148.764.660	3.580.581.753.531
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	2.885.221.271.975	2.943.014.763.619
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.372.247.789.000	1.344.039.037.041
Doanh thu cung cấp dịch vụ	70.164.673.539	68.406.401.102
Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản	362.755.273	886.557.819
<b>Cộng</b>	<b>7.224.145.254.447</b>	<b>7.936.928.513.112</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan**

Đối tượng	Mối quan hệ	Năm 2023
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ	51.668.479.100

**02. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2023	Năm 2022
Giảm giá hàng bán	1.152.894.325	5.091.179.788
Hàng bán bị trả lại	1.752.871.181	1.313.124.857
<b>Cộng</b>	<b>2.905.765.506</b>	<b>6.404.304.645</b>

**03. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.585.540.755.623	2.736.457.487.248
Giá vốn bột cá, mỡ cá	2.770.965.183.269	2.810.971.424.586
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.288.699.960.322	1.231.739.887.031
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	51.075.125.558	55.132.562.235
Giá vốn kinh doanh hàng hóa Bất động sản	356.558.000	959.073.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		307.120.895
<b>Cộng</b>	<b>6.696.637.582.772</b>	<b>6.835.567.554.995</b>

**04. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.734.477.420	124.773.086.810
Lãi chênh lệch tỷ giá	41.208.421.003	40.006.750.285
Lãi từ cổ tức lợi nhuận được chia	11.400.000.000	
Lãi bán các khoản đầu tư	20.029.861.509	
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.182.477.477	2.538.700.164
<b>Cộng</b>	<b>217.555.237.409</b>	<b>167.318.537.259</b>

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền vay	362.135.007.028	233.160.673.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.030.727.493	71.451.766.824
Chi phí tài chính khác	2.514.952.664	2.989.231.087
<b>Cộng</b>	<b>411.680.687.185</b>	<b>307.601.671.877</b>

**06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
<b>06 . 1. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	7.591.112.371	7.450.592.206
Chi phí khấu hao	348.615.178	344.295.689
Chi phí vận chuyển hàng hóa	65.934.304.264	236.285.118.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.981.944.569	29.986.388.007
Chi phí bằng tiền khác	34.048.588.779	33.835.597.440
<b>Cộng</b>	<b>131.904.565.161</b>	<b>307.901.991.808</b>

**06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên	29.885.617.120	27.253.504.737
Chi phí công cụ, dụng cụ	663.006.535	359.473.116
Chi phí khấu hao	3.893.182.852	3.883.980.814
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.866.862.541	2.196.295.866
Thuế, phí, lệ phí	336.935.667	189.652.070
Các khoản chi phí QLDN khác	14.870.029.318	10.422.033.455
Hoàn nhập phải thu khó đòi	(72.521.600)	
Lợi thế thương mại	33.360.489.628	16.680.244.814
<b>Cộng</b>	<b>89.803.602.061</b>	<b>60.985.184.872</b>

**07 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.529.211.836	14.681.693.715
Thu nhập từ cho thuê tài sản	9.051.173.814	15.128.726.532
Các khoản khác	2.517.118.838	9.048.679.088
<b>Cộng</b>	<b>13.097.504.488</b>	<b>38.859.099.335</b>

Các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan trong năm: Xem chi tiết thuyết minh VIII.03

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**08 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí cho thuê tài sản	4.894.988.278	4.377.657.766
Các khoản bị phạt	2.698.777.001	950.099.117
Các khoản khác	7.101.591.685	1.444.757.819
<b>Cộng</b>	<b>14.695.356.964</b>	<b>6.772.514.702</b>

**09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.664.739.675.418	2.784.698.984.478
Chi phí nhân công	340.664.506.067	357.507.822.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.430.489.237	118.888.861.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.534.282.888	354.617.683.997
Chi phí khác bằng tiền	133.279.500.478	102.241.255.329
<b>Cộng</b>	<b>3.431.648.454.088</b>	<b>3.717.954.607.056</b>

**10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	33.257.411.909	53.517.346.535
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm này	558.849.521	1.075.216.222
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>33.816.261.430</b>	<b>54.592.562.757</b>

**11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI**

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		133.925.441
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		<b>133.925.441</b>

**12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	57.765.947.119	547.355.662.089
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		5.000.000.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	227.644.608	227.644.608
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>254</b>	<b>2.382</b>

(\*) Hồi tố chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	57.765.947.119	547.355.662.089
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		5.000.000.000
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	227.644.608	227.644.608
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>254</b>	<b>2.382</b>

(\*) Hồi tố chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

**VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: không có
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

	Năm 2023	Năm 2022
<b>3 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	9.019.461.007.283	8.381.427.579.785
<b>4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	8.631.172.966.447	8.213.660.621.575

**VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính:

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 . Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2023	Năm 2022
<b>Thù lao Hội đồng quản trị</b>		<b>1.228.800.000</b>	<b>854.100.000</b>
Lê Thanh Thuần	Chủ tịch	424.800.000	418.500.000
Lê Tuấn Anh	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/04/2023)	240.000.000	
Lê Văn Chung	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/04/2023)	324.000.000	195.600.000
Tống Phi Hùng	Thành viên	120.000.000	120.000.000
Đình Văn Thép	Thành viên	120.000.000	120.000.000

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo)**

		Năm 2023	Năm 2022
<b>Ban kiểm toán nội bộ</b>			<b>1.350.000</b>
Ngô Thị Tố Ngân	Ủy viên		1.350.000
<b>Thù lao ban kiểm soát (Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2023)</b>		<b>108.000.000</b>	
Từ Thiện Thoại	Trưởng ban	60.000.000	
Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	24.000.000	
Đoàn Nguyễn Kim Phượng	Thành viên	24.000.000	
<b>Tiền lương</b>		<b>2.797.091.941</b>	<b>3.473.468.015</b>
Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/05/2023)	300.000.000	830.248.875
Lê Văn Cảnh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/05/2023)	712.049.230	696.554.969
Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc		190.000.000
Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc	542.460.110	575.765.958
Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	656.368.570	687.584.948
Lê Thế Tùng	P.Tổng Giám đốc	315.380.970	215.298.222
Nguyễn Đức Phương	Kế toán trưởng	270.833.061	278.015.043

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Công ty mẹ
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai
+ Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An	Công ty con của Công ty CP TĐ Sao Mai

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
	<b>Bán trong năm</b>	<b>51.712.579.100</b>	<b>114.697.194.910</b>
	- Xuất bán cá tra đông lạnh	51.227.479.100	104.880.994.910
	- Phí ủy thác xuất khẩu cá tra	485.100.000	816.200.000
	- Cho thuê văn phòng, biển quảng cáo		9.000.000.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	<b>Mua trong năm</b>	<b>107.445.558.000</b>	<b>19.447.148.096</b>
	- Tòa nhà 12 tầng		18.198.512.096
	- Chuyển nhượng QSDĐ dự án Lấp Vò	106.725.558.000	828.636.000
	- Chi phí thuê phòng, vùng nuôi Tân Long	720.000.000	420.000.000
	<b>Cho vay trong năm</b>	<b>752.300.000.000</b>	<b>698.400.000.000</b>
	- Cho vay huy động vốn	752.300.000.000	698.400.000.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022	
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	<b>Thu tiền trong năm</b>	<b>675.534.191.055</b>	<b>417.744.307.812</b>	
	- Thu lãi cho vay	46.034.191.055	22.243.100.069	
	- Thu hoàn tiền cho vay	629.500.000.000	395.501.207.743	
	<b>Các khoản khác</b>	<b>53.193.427.852</b>	<b>314.488.053.728</b>	
	- Ủy thác xuất khẩu cá tra	52.929.530.652	116.468.482.733	
	- Thu hộ cước vận chuyển	263.897.200	9.310.587.495	
	- Chi cổ tức		174.918.646.500	
	- Thanh toán tiền thiết kế và thi công công trình		13.790.337.000	
	<b>Bán trong năm</b>	<b>3.591.762.150</b>	<b>254.244.363.017</b>	
	- Tiền bán thức ăn thủy sản		14.050.125	
- Tiền bán bã đậu nành		115.690.312.892		
- Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất		50.000.000.000		
- Tiền chuyển nhượng tòa nhà 12 tầng		85.000.000.000		
- Tiền cho thuê đất		300.000.000		
- Tiền cho thuê cụm máy ép đùn trực đối	3.008.400.000	3.240.000.000		
- Tiền bán nước sạch	583.362.150			
<b>Thu tiền trong năm</b>	<b>3.591.762.150</b>	<b>398.381.363.017</b>		
- Thu tiền chuyển nhượng nhà máy thức ăn, thuê tài sản, bã đậu nành, thức ăn thủy sản, nước sạch	3.591.762.150	398.381.363.017		
<b>Mua hàng trong năm</b>	<b>5.227.200.000</b>	<b>855.360.000</b>		
- Phải trả tiền thuê văn phòng	5.227.200.000	855.360.000		
<b>Trả tiền trong năm</b>	<b>5.227.200.000</b>	<b>855.360.000</b>		
- Phải trả tiền thuê văn phòng	5.227.200.000	855.360.000		
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	<b>Bán hàng trong năm</b>	<b>120.000.000</b>		
	- Tiền cho thuê tài sản	120.000.000		
	<b>Thu tiền trong năm</b>	<b>90.000.000</b>		
	- Thu tiền cho thuê tài sản	90.000.000		
	<b>Mua hàng trong năm</b>	<b>624.723.000</b>	<b>266.142.200</b>	
	- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng chai, vé máy bay	624.723.000	266.142.200	
	<b>Trả tiền trong năm</b>	<b>624.723.000</b>	<b>273.122.200</b>	
	- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng chai, vé máy bay	624.723.000	273.122.200	
	+ Công ty CP Du Lịch An Giang	<b>Bán hàng trong năm</b>	<b>120.000.000</b>	
		- Tiền cho thuê tài sản	120.000.000	
<b>Thu tiền trong năm</b>		<b>90.000.000</b>		
- Thu tiền cho thuê tài sản		90.000.000		
<b>Mua hàng trong năm</b>		<b>624.723.000</b>	<b>266.142.200</b>	
- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng chai, vé máy bay		624.723.000	266.142.200	
<b>Trả tiền trong năm</b>		<b>624.723.000</b>	<b>273.122.200</b>	
- Dịch vụ khách sạn, đặt tiệc, nước uống đóng chai, vé máy bay		624.723.000	273.122.200	

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
	Mua hàng trong năm	497.470.700	252.214.500
+ Công ty cổ phần Du Lịch Đồng Tháp	- Dịch vụ đặt tiệc, mua vé máy bay	497.470.700	252.214.500
	Trả tiền trong năm	495.570.700	252.214.500
	- Dịch vụ đặt tiệc, mua vé máy bay	495.570.700	252.214.500
+ Công ty CP Điện Mặt Trời Europlast Long An	Khoản khác	11.400.000.000	
	- Thu tiền cổ tức	11.400.000.000	

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

**CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	- Cho vay huy động vốn	457.200.000.000	334.400.000.000
	- Tư vấn thiết kế		79.096.353
+ Công ty CP Du Lịch An Giang	- Cho thuê tài sản	30.000.000	
+ Công ty TNHH Sao Mai Super Feed	- Bán bột cá	6.831.005.000	

**CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty CP Du Lịch Đồng Tháp	- Dịch vụ đặt tiệc, vé máy bay, khách sạn	1.900.000	

**CÁC KHOẢN PHẢI KHÁC**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cp Tập đoàn Sao Mai	- Phải trả khác	7.076.889.000	

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thành, X. Bình Thành, H.L.áp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**04 . Thông tin bộ phận**

**a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	Năm 2023			Năm 2022		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	4.605.826.077.975	2.615.413.410.966	7.221.239.488.941	4.718.244.558.142	3.212.279.650.325	7.930.524.208.467
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>4.605.826.077.975</b>	<b>2.615.413.410.966</b>	<b>7.221.239.488.941</b>	<b>4.718.244.558.142</b>	<b>3.212.279.650.325</b>	<b>7.930.524.208.467</b>
KQKD theo bộ phận	186.977.582.585	337.624.323.584	524.601.906.169	185.298.706.206	909.657.947.266	1.094.956.653.472
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(221.708.167.222)			(368.887.176.680)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>302.893.738.947</b>		<b>302.893.738.947</b>			<b>726.069.476.792</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	217.555.237.409		217.555.237.409			167.318.537.259
Chi phí tài chính	(411.680.687.185)		(411.680.687.185)			(307.601.671.877)
Thu nhập khác	13.097.504.488		13.097.504.488			38.859.099.335
Chi phí khác	(14.695.356.964)		(14.695.356.964)			(6.772.514.702)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(33.816.261.430)		(33.816.261.430)			(54.592.562.757)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						(133.925.441)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>73.354.175.265</b>		<b>73.354.175.265</b>			<b>563.146.438.609</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	9.089.373.624		9.089.373.624			261.830.776.446
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>118.300.006.389</b>		<b>118.300.006.389</b>			<b>124.778.317.305</b>





**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**  
 Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.Lấp Vò, T. Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	2.002.491.948.623	199.511.284.821	2.202.003.233.444	1.969.707.069.362	250.378.336.329	2.220.085.405.691
Tài sản không phân bổ			6.075.445.028.699			5.864.022.932.166
<b>Tổng tài sản</b>	<b>2.002.491.948.623</b>	<b>199.511.284.821</b>	<b>8.277.448.262.143</b>	<b>1.969.707.069.362</b>	<b>250.378.336.329</b>	<b>8.084.108.337.857</b>
Nợ phải trả bộ phận	317.553.147.089	36.575.996.415	354.129.143.504	466.179.268.970	66.519.088.896	532.698.357.866
Nợ phải trả không phân bổ			4.501.762.505.564			4.184.990.022.820
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>317.553.147.089</b>	<b>36.575.996.415</b>	<b>4.855.891.649.068</b>	<b>466.179.268.970</b>	<b>66.519.088.896</b>	<b>4.717.688.380.686</b>

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Năm 2023

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	BỘT CÁ, MỠ CÁ	Thực ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.893.242.999.154	2.885.221.271.975	1.372.247.789.000	70.527.428.812	7.221.239.488.941
Tài sản bộ phận	2.382.163.880.637	1.032.135.369.320	722.485.657.482	4.140.663.354.704	8.277.448.262.143
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					9.089.373.624

Năm 2022

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	BỘT CÁ, MỠ CÁ	Thực ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.574.177.448.886	2.943.014.763.619	1.344.039.037.041	69.292.958.921	7.930.524.208.467
Tài sản bộ phận	2.348.847.747.189	1.347.891.397.555	396.417.105.281	3.990.952.087.862	8.084.108.337.857
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					261.830.776.446



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.L.áp Vò, T.Đông Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

**05 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**

**a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X. Bình Thành, H.L.áp Vò, T. Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính hợp nhất  
năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	216.486.725.129			216.486.725.129
Người mua trả tiền trước	108.568.775.730			108.568.775.730
Vay và nợ	4.090.462.799.775	325.734.435.796		4.416.197.235.571
Chi phí phải trả	1.340.020.397			1.340.020.397
Các khoản phải trả phải nộp khác	35.199.713.551			35.199.713.551
<b>Cộng</b>	<b>4.452.058.034.582</b>	<b>325.734.435.796</b>		<b>4.777.792.470.378</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**năm 2023**

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023*

Đơn vị tính: VND

**c. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

**- Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.937.549	3.450.597
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	8.268.922	10.676.530
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(207.214)	(271.844)
Vay và nợ thuê tài chính	(28.231.583)	(55.512.406)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(18.232.326)</b>	<b>(41.657.123)</b>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(8.977.243.083)	(19.812.091.044)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	8.977.243.083	19.812.091.044

**- Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**- Rủi ro về giá**

**+ Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I**

Địa chỉ: QL 80, cụm CN Vàm Cống, ấp An Thạnh, X.Bình Thành, H.Lấp Vò, T.Đồng Tháp.

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tiền: VND

### + Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm bớt rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

### d. Tài sản đảm bảo

#### - Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	500.852.500.000	570.982.500.000
Hàng tồn kho	1.490.697.864.040	1.384.403.708.859
Tài sản cố định hữu hình	392.684.675.739	350.481.040.651
Quyền sử dụng đất	145.970.351.135	150.384.685.355
Bất động sản đầu tư	207.535.277.257	197.349.792.530

#### - Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### 06. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

### 07. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





VŨ THỊ LỆ

NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

LÊ VĂN CẢNH